

Lời mở đầu

Từ khi nền kinh tế nước ta được chuyển đổi một cách toàn diện và sâu sắc, xoá bỏ nền kinh tế bao cấp sang cơ chế thị trường rất mạnh và không ngừng phát triển. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, sự hội nhập nền kinh tế thế giới WTO và hội nhập khu vực, sự đổi mới trong lĩnh vực quản lý kinh tế nói chung và lĩnh vực kế toán nói riêng, các doanh nghiệp phải tự khẳng định vị trí và chỗ đứng của mình trên thương trường. Muốn tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh của nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp cần phải liên doanh liên kết với nước ngoài. Vì vậy, nó đòi hỏi công tác kế toán phải được hoàn thiện và phát triển thêm, cũng như đối với những người làm kế toán viên đòi hỏi không ngừng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài ra để tạo được nhiều lợi nhuận, mỗi doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh càng phải chú trọng tới việc tiết kiệm chi phí, tăng năng xuất lao động để đưa ra thị trường những sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ. Muốn vậy các doanh nghiệp phải quản lý hiệu quả từ khâu đầu đến khâu cuối của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Để củng cố cho những kiến thức và lý luận đã được học trong trường ĐHDL Hải Phòng, cũng như là để làm quen với môi trường làm việc thực tế bên ngoài, nhà trường có tổ chức cho SV đi thực tập tại công ty, xí nghiệp. Đồng thời cũng được sự nhất trí của ban lãnh đạo công ty Cổ Phần May XK Việt Thái, em đã được thực tập tại phòng kế toán của công ty và làm luận văn tốt nghiệp về đề tài của mình.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu về thực tế công tác tổ chức kế toán tại công ty, em thấy được tầm quan trọng của công tác tổ chức kế toán đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhất là công tác kế toán nguyên vật liệu. Được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của thầy giáo TS. Lê Văn Liên cùng sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, em đã chọn đề tài :

“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP may XK Việt Thái”

làm luận văn tốt nghiệp. Đồng thời, qua đó có thể đóng góp một số giải pháp của mình để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP May XK Việt Thái

Nội dung chính của bản luận văn này em đã đi sâu nghiên cứu 3 chương

Chương I: Những cơ sở lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu của công ty CP May XK Việt Thái

Chương III: Một số ý kiến nhận xét nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP May XK Việt Thái

Trong quá trình nghiên cứu về lý luận để hoàn thành luận văn tốt nghiệp, em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của TS. Lê Văn Liên cùng các thầy cô giáo, các anh chị trong phòng kế toán tại công ty CP May XK Việt Thái.

Do thời gian thực tập ngắn cũng như trình độ của em còn hạn chế, cho nên trong quá trình thực tập không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán để bản luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Lê Văn Liên cùng các anh chị trong phòng kế toán đã giúp em hoàn thiện luận văn tốt nghiệp này.

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1. VỊ TRÍ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

1.1 Khái niệm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động con người sử dụng công cụ lao động tác dụng vào nó để tạo ra sản phẩm cần thiết phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải có 3 yếu tố cơ bản là: Đối tượng lao động, tư liệu lao động, sức lao động. Đặc trưng cơ bản của tư liệu là tài sản cố định và công cụ dụng cụ. Đối tượng lao động đặc trưng chủ yếu là nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp là đối tượng lao động, là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở để cấu tạo nên thực thể của sản phẩm. Vì vậy, trong doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu thường được quản lý theo định mức tiêu hao.

1.2 Đặc điểm, yêu cầu quản lý của nguyên vật liệu

1.2.1 Đặc điểm

Trong quá trình sản xuất sản phẩm mới vật liệu không ngừng chuyển hoá cả về mặt hình thái hiện vật lẫn hình thái giá trị .

- Xét về hình thái hiện vật: NLVL tham gia vào một chu kỳ sản xuất.
- Xét về hình thái giá trị: Giá trị của NLVL chuyển toàn bộ một lần vào giá trị của sản phẩm tạo ra .

Đây là những yếu tố không thể thiếu của bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất nào.

1.2.2 Yêu cầu quản lý NLVL

Quản lý NLVL là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi các nhà quản trị phải quản lý chặt chẽ vật liệu ở tất cả các khâu từ khâu thu mua, bảo quản cho đến

khâu xuất kho dự trữ. Từ đó, đề xuất các biện pháp về quản lý và sử dụng vật liệu nhằm tiết kiệm chi phí, cụ thể :

- Khâu thu mua :

Đòi hỏi việc thu mua vật liệu phải đảm bảo cung ứng kịp thời, đầy đủ cho nhu cầu sản xuất, đảm bảo đủ về số lượng ,đúng về chất lượng và kịp thời về giá cả. Đồng thời phải thường xuyên phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu mua, lựa chọn nguồn cung cấp tốt nhất.

- Trong khâu sử dụng:

Phải sử dụng tiết kiệm, hợp lý trên cơ sở các định mức dự toán chi phí nhằm hạ mức chi phí tiêu hao vật liệu trong giá thành sản phẩm tăng thu nhập, tích lũy cho doanh nghiệp.

- Trong khâu dự trữ:

Xác định mức dự trữ tối đa, tối thiểu, hợp lý đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường, tránh tình trạng ngừng sản xuất do cung ứng không kịp thời hoặc ứ đọng vốn do dự trữ quá mức cần thiết.

-Tổ chức vận dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho khoa học và hợp lý(việc sử dụng chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán), để theo dõi số hiện có, tình hình biến động của từng thứ vật liệu cho việc tổng hợp chi phí.

-Tổ chức vận dụng các phương pháp tính giá và kế toán chi tiết vật liệu phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, từ đó kiểm tra việc chấp hành các chính sách chế độ về quản lý hàng tồn kho.

1.3. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu

1.3.1 Phân loại nguyên vật liệu

- Sự cần thiết phải phân loại NLVL

Trong doanh nghiệp, vật liệu có nhiều loại, thứ có tính năng hoá, nội dung kế toán, mục đích sử dụng khác nhau và yêu cầu quản lý của từng thứ khác nhau

Phân loại vật liệu là sắp xếp vật liệu thành từng loại, từng nhóm khác nhau dựa vào những tiêu thức nhất định. Do đó các doanh nghiệp thường tiến

hành phân loại nguyên vật liệu để thuận tiện hơn cho việc quản lý và sử dụng hợp lý có hiệu quả từng loại nguyên vật liệu.

- Phân loại nguyên vật liệu

Tuỳ theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mà việc phân loại vật liệu có những tiêu thức nhất định cụ thể:

Nếu căn cứ vào công dụng kinh tế và vai trò của vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh thì vật liệu trong doanh nghiệp được chia ra làm các loại sau:

-Nguyên vật liệu chính (kể cả nửa thành phẩm mua ngoài): Là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau.

-Vật liệu phụ: Là đối tượng lao động có tác động ảnh hưởng nhất định đến quá trình sản xuất kinh doanh

Nếu căn cứ vào vai trò của nó vật liệu phụ bao gồm các loại:

+Vật liệu phụ làm thay đổi chất lượng của vật liệu chính.

Ví dụ: Các loại hoá chất dùng để tẩy.

+Vật liệu phụ làm tăng chất lượng của thành phẩm và tạo ra những thị yếu tiêu dùng

Ví dụ:Sơn, nhuộm, gia vị,...

+Vật liệu phụ làm cho quá trình sản xuất được thuận lợi.

Ví dụ :Dầu, mỡ,...

-Nhiên liệu: Là vật liệu tạo ra năng lượng phục vụ cho sản xuất kinh doanh và hoạt động của máy móc thiết bị.

Ví dụ:Than, củi, xăng, dầu,....

-Phụ tùng thay thế: Là các loại phụ tùng chi tiết được sử dụng để thay thế sửa chữa máy móc, thiết bị cần lắp và không cần lắp.

-Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ, vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản.

-Vật liệu khác: Là các loại vật liệu không được xếp vào các loại trên thường là những vật liệu được từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Ví dụ: Cơ khí...

Nếu căn cứ vào nguồn hình thành thì vật liệu được hình thành từ các nguồn cơ bản sau đây:

-Vật liệu mua ngoài: Là những vật liệu do mua ngoài mà có, thông thường mua của các nhà cung cấp.

-Vật liệu tự chế biến: Là vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất ra và sử dụng như là nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm.

-Vật liệu tự thuê ngoài gia công: Là Vật liệu mà doanh nghiệp không tự sản xuất, không mua ngoài mà thuê các đơn vị khác gia công.

-Nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh: là nguyên vật liệu do các bên liên doanh góp vốn theo thoả thuận trên hợp đồng liên doanh.

-Nguyên vật liệu được cấp: Là nguyên vật liệu do đơn vị cấp trên cấp theo qui định

Nếu căn cứ vào mục đích , công dụng của NLVL thì:

* NLVL dùng cho nhu cầu SXKD gồm:

- NLVL dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm .

- NLVL dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp

* NLVL dùng cho yêu cầu khác:

- Nhượng bán

- Đem góp vốn kinh doanh.

- Đem biếu tặng.

Tác dụng của việc phân loại nguyên vật liệu

-Xác định trọng tâm quản lý vật liệu vì vật liệu chính là thành phần chủ yếu cấu tạo nên thực thể của sản phẩm.

-Làm cơ sở giúp cho bộ phận kế toán của doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán chi tiết, mở các tài khoản chi tiết và theo dõi quản lý chặt chẽ tình hình biến động của từng loại vật liệu trong doanh nghiệp.

1.3.2 Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là một vấn đề quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá vật liệu là xác định giá trị của nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn kho trong doanh nghiệp một cách hợp lý có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của đơn vị. Bởi vì có những phí tổn không được tính vào chi phí của hoạt động và ngược lại

Theo chuẩn mực kế toán số 2 (chuẩn mực về hàng tồn kho) việc tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp được tính theo giá vốn thực tế khi hạch toán xuất, nhập, tồn. Tuy nhiên, đối với những doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại vật liệu và sự vận động của nó diễn ra hàng ngày thì có thể sử dụng giá hạch toán để ghi chép, nhưng cuối kỳ phải chuyển về giá thực tế để ghi sổ.

1.3.2.1. Đánh giá vật liệu theo giá thực tế

a) Giá thực tế vật liệu mua ngoài

+Đối với vật liệu nhập kho.

Trường hợp vật liệu mua về dùng cho sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế VL} \\ \text{mua ngoài nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên} \\ \text{hoá đơn} \\ \text{(Giá mua} \\ \text{chưa có VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế nhập khẩu,} \\ \text{thuế TTĐB} \\ \text{(Nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại,} \\ \text{giảm giá được} \\ \text{hưởng} \end{array}$$

Trường hợp mua về dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế VL} \\ \text{mua ngoài nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hoá đơn} \\ \text{(Giá bao gồm} \\ \text{VAT)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu và VAT} \\ \text{của hàng nhập} \\ \text{khẩu)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{thực tế} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại,} \\ \text{giảm giá được} \\ \text{hưởng.} \end{array}$$

+Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{vật liệu} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thực tế xuất} \\ \text{để gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{chi phí chế biến} \\ \text{phải trả cho} \\ \text{người chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{bốc dỡ đến} \\ \text{nơi chế biến và từ} \\ \text{nơi chế biến về DN} \end{array}$$

+Đối với vật liệu tự sản xuất gia công chế biến:

Giá vốn thực tế nhập kho là giá thành sản xuất của vật tư gia công chế biến

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{gia công trong kì} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thực tế vật} \\ \text{liệu xuất để gia} \\ \text{công chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Tiền công} \\ \text{gia công} \end{array}$$

+ Đối với vật liệu nhận vốn góp liên doanh vốn cổ phần hoặc thu hồi vốn

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá do hội đồng} \\ \text{liên doanh} \\ \text{đánh giá} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các chi phí} \\ \text{phát sinh} \\ \text{khi tiếp nhận} \end{array}$$

b) Giá thực tế của vật liệu xuất kho

Khi xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán phải tính toán chính xác giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng theo nguyên tắc nhất quán trong hạch toán, nếu thay đổi phải giải thích rõ ràng

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế vật} \\ \text{liệu xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{xuất dùng} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo cách sau:

Cách 1: Giá trị bình quân của kỳ dự trữ

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{tồn kho lúc đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{nhập kho trong kỳ.} \end{array}}$$

Cách 2: Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL tồn kho} \\ \text{sau mỗi lần nhập} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL tồn kho} \\ \text{sau mỗi lần nhập.} \end{array}}$$

Cách 3: Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước.

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} \\ \text{(cuối kỳ trước)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} \\ \text{(cuối kỳ trước).} \end{array}}$$

+ Phương pháp nhập trước - xuất trước(FIFO).

Theo phương pháp này, giả thiết rằng số nguyên vật liệu nào nhập trước thì sẽ được xuất dùng trước, khi xuất hết số nhập trước mới xuất đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lô nguyên vật liệu nhập kho theo từng đợt.

Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời mỗi lần xuất

Nhược điểm: Phải tính giá theo từng danh điểm nguyên vật liệu và phải hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tồn kho theo từng loại giá nên tốn nhiều công sức.

Ngoài ra còn làm cho chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu

Như vậy, theo phương pháp này giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho sau cùng.

Phương pháp này chỉ áp dụng trong điều kiện giá cả ổn định.

+Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO).

Theo phương pháp này, giả thiết rằng số nguyên vật liệu mua sau cùng thì sẽ được xuất trước tiên theo giá thực tế của từng lô nguyên vật liệu nhập kho.

Về cơ bản ưu, nhược điểm của phương pháp này cũng giống như phương pháp nhập trước-xuất trước nhưng sử dụng phương pháp nhập sau-xuất trước giúp cho chi phí kinh doanh của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Khi giá cả vật tư nhập có xu hướng tăng thì phương pháp này làm cho giá vật tư xuất tăng và giá trị vật tư tồn kho giảm

Như vậy, theo phương pháp này giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá trị thực tế của số nguyên vật liệu nhập kho của các lần mua nguyên vật liệu đầu kỳ.

Phương pháp này áp dụng trong điều kiện lạm phát sẽ đảm bảo được nguyên tắc thận trọng.

+Phương pháp đích danh:

Theo phương pháp này, giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho xác định theo giá trị đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên giá từ lúc nhập vào cho đến lúc xuất dùng, (trừ trường hợp điều chỉnh khi xuất nguyên vật liệu nào sẽ tính theo giá thực tế đích danh của nguyên vật liệu đó). Phương pháp này thường áp dụng đối với các nguyên vật liệu có giá trị cao và có tính tách biệt.

Mỗi phương pháp tính giá nguyên vật liệu có nội dung ưu điểm, nhược điểm và điều kiện áp dụng riêng nhất định. Do vậy, các doanh nghiệp phải căn cứ vào các đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ kế toán để lựa chọn và đăng ký cho doanh nghiệp mình một phương pháp tính giá phù hợp. Và phương pháp tính giá đã

được đăng ký đó phải sử dụng nhất quán trong niên độ kế toán, nếu có thay đổi phải thông báo ngay.

1.3.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Đối với những doanh nghiệp sử dụng nhiều loại vật liệu việc xuất nhập diễn ra thường xuyên, liên tục có thể sử dụng giá hạch toán để phản ánh chi tiết hàng ngày tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu.

Giá hạch toán là giá được sử dụng thống nhất trong toàn doanh nghiệp có thể là giá hạch toán, hoặc giá quy đổi của doanh nghiệp. Giá hạch toán được phản ánh trên các phiếu nhập xuất, sổ chi tiết.

Cuối kỳ phải điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế để có số liệu ghi vào các khoản, sổ kế toán tổng hợp và báo cáo kế toán.

Việc điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế, tiến hành như sau

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số giá} \\ \text{hạch toán và giá thực tế} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán NVL nhập trong kỳ}} \\ \text{từng loại NVL} \end{array}$$

$$\text{Giá vốn NVL xuất kho} = \text{Giá hạch toán NVL xuất kho} \times \text{hệ số giá.}$$

2.KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

Để thực hiện việc theo dõi tình hình nhập - xuất nguyên vật liệu, doanh nghiệp cần sử dụng rất nhiều loại chứng từ khác nhau. Có những chứng từ do doanh nghiệp tự lập như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,... cũng có những chứng từ do các đơn vị khác lập giao cho doanh nghiệp như hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn GTGT; có những chứng từ mang tính chất bắt buộc như thẻ kho, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,..., cũng có những chứng từ mang tính chất hướng dẫn như biên bản kiểm nghiệm, phiếu xuất vật tư theo hạn mức,... Tuy

nhiên, cho dù sử dụng chứng từ nào thì doanh nghiệp cũng cần phải tuân thủ trình tự lập, phê duyệt và lưu chuyên chứng từ để phục vụ cho yêu cầu ghi sổ kế toán và nâng cao hiệu quả quản lý nguyên vật liệu tại doanh nghiệp. Các chứng từ theo dõi tình hình nhập - xuất nguyên, vật liệu bao gồm:

Chứng từ nhập:

- Hoá đơn bán hàng thông thường hoặc hoá đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm (Mẫu 03-VT)

Chứng từ xuất:

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 08-VT)
- Phiếu xuất vật tư theo hạn mức (Mẫu 04-VT)

Chứng từ theo dõi quản lý:

- Thẻ kho (Mẫu S12-DN)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 07-VT)
- Biên bản kiểm kê hàng tồn kho.

2.2 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Nhằm cung cấp thông tin một cách đủ, kịp thời, số hiện có, tình hình nhập xuất vật liệu theo từng nhóm, thứ, cả số lượng và giá trị giúp cho chủ doanh nghiệp có biện pháp sử dụng hàng tồn kho một cách hợp lý.

Kế toán chi tiết vật liệu đảm bảo yêu cầu sau:

- Tổ chức kế toán chi tiết vật liệu ở từng kho và ở phòng kế toán.
- Theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày, từng thứ nhóm vật liệu.
- Phải đảm bảo khớp đúng giữa số liệu ở thẻ kho, sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp.

Tùy theo đặc điểm của vật liệu trong doanh nghiệp, trình độ yêu cầu về mặt quản lý mà doanh nghiệp sử dụng 1 trong 3 phương pháp sau:

2.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song

-Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất kho của từng thứ vật liệu theo chỉ tiêu, số lượng trên các sổ chứng từ nhập xuất. Thẻ kho do kế toán lập riêng cho từng kho và được ghi vào sổ đăng ký trước khi giao cho thủ kho.

+Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập xuất thủ kho kiểm tra, sau đó ghi vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi vào một dòng. Cuối ngày tính ra số tồn kho và đối chiếu với số thực tế trong kho.

+Định kỳ lập báo cáo về nhập - xuất - tồn kho và gửi cho kế toán.

-Ở phòng kế toán: Do bộ phận kế toán vật tư đảm nhận.

+Định kỳ (3-5 ngày): Kế toán xuống kho kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và giao nhận chứng từ.

+Khi giao nhận chứng từ về, kế toán tiến hành kiểm tra, phân loại và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó, ghi sổ kế toán chi tiết cả về chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Số liệu này được sử dụng để báo cáo nhanh khi cần thiết.

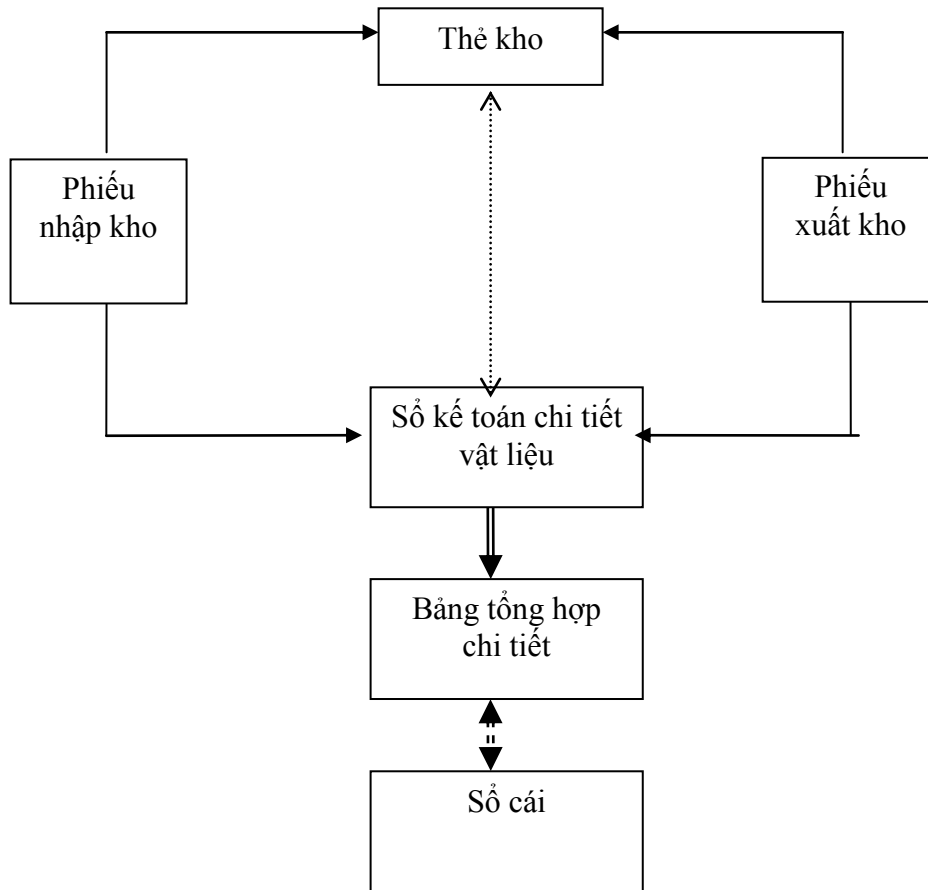
+Cuối tháng cộng sổ chi tiết và lập báo cáo tình hình nhập - xuất- tồn kho vật liệu

-Ưu điểm: Phương pháp này ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

-Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng ghi chép còn nhiều.

-Điều kiện áp dụng: áp dụng với doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít không thường xuyên, trình độ kế toán còn hạn chế.

Sơ đồ 1 : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←====> Quan hệ đối chiếu

2.2.2 Tổ chức kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp đối chiếu luân chuyển

-Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ để theo dõi tình hình nhập - xuất vật liệu như phương pháp sổ song song.

-Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng Sổ đối chiếu luân chuyển để theo dõi tình hình nhập - xuất của từng thứ vật liệu.

-Nội dung của sổ: Mở sổ cho cả năm dùng để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn của từng thứ vật liệu, mỗi thứ ghi một dòng ghi cả chỉ tiêu số lượng và giá trị.

-Phương pháp ghi: Định kỳ, khi nhận chứng từ nhập - xuất do thủ kho chuyển lên, kế toán kiểm tra phân loại, hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp theo từng nhóm, loại vật liệu.

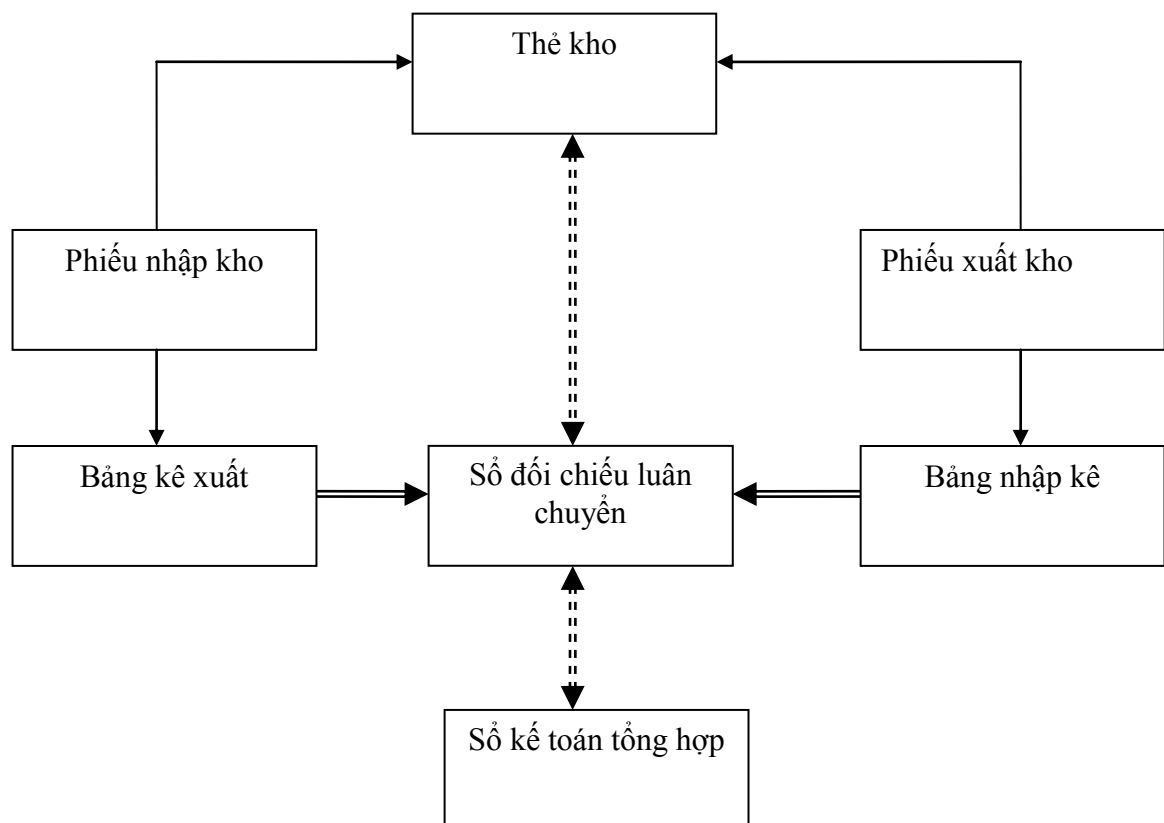
-Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê để ghi vào phần luân chuyển trong tháng và tính ra số dư. Sau đó, khi hoàn thiện việc ghi chép sổ thì đối chiếu số lượng với thủ kho và tài khoản tổng hợp trong sổ Cái.

-Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

-Nhược điểm: Phương pháp này vẫn còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng, việc kiểm tra đối chiếu chỉ tiến hành vào ngày cuối tháng do đó hạn chế chức năng của kế toán.

-Phạm vi áp dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập - xuất hàng ngày, không bố trí nhân viên kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Sơ đồ 2: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng
 <-.-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu

2.2.3 Tổ chức kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư

-Ở kho: Thủ kho cũng dùng thẻ kho để ghi chép tình hình cuối tháng, phải ghi vào sổ tồn kho đã được tính trên thẻ kho sang sổ số dư vào cột số lượng, sau đó chuyển đến phòng kế toán.

Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cả năm, trước ngày kết thúc tháng kế toán giao sổ cho thủ kho để ghi số dư.

-Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ số dư để theo dõi tình hình nhập xuất vật tư hàng hoá.

-Nội dung của sổ:

+Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho dùng cho cả năm. Mỗi thứ vật tư hàng hoá được ghi một dòng theo nhóm.

+Phương pháp ghi: Cuối tháng, thủ kho lấy số dư của thẻ kho để ghi vào cột số lượng sau đó chuyển cho kế toán.

+Định kỳ kế toán xuống kho kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và giao nhận chứng từ.

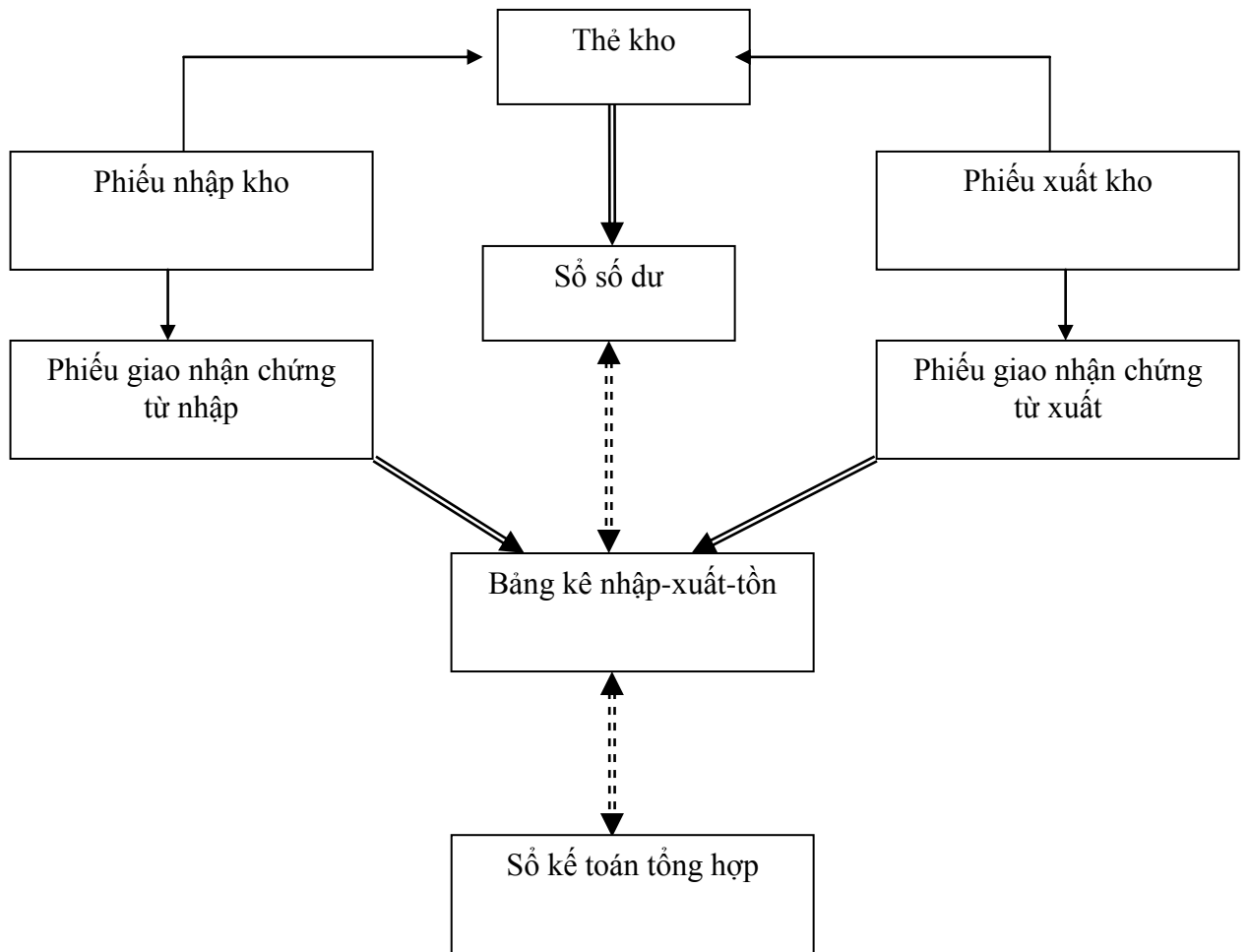
+Sau khi nhận được chứng từ, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra phân loại tổng hợp chứng từ. Sau đó, tổng hợp giá trị của từng thứ vật liệu để ghi vào cột số tiền của phiếu giao nhận chứng từ. Số liệu này được ghi vào bảng kê xuất - nhập - tồn vật liệu. Cuối tháng, cộng số tiền trên bảng kê nhập - xuất trên bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn kho. Đồng thời, số lượng tồn kho trên bảng này ghi vào sổ số dư cột số tiền. Sau đó, đối chiếu số liệu giữa sổ số dư với bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn.

-Ưu điểm: Giảm được khối lượng ghi chép, tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, công việc được dàn đều trong tháng.

-Nhược điểm: Khó phát hiện được sai sót, khó kiểm tra và đòi hỏi yêu cầu trình độ quản lý của thủ kho và kế toán phải cao.

-Điều kiện áp dụng: Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp có khối lượng các nghiệp vụ nhập - xuất nguyên vật liệu lớn có nhiều chủng loại đã được xây dựng thành hệ thống.

Sơ đồ 3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ⇄ Quan hệ đối chiếu

2.2.4 Ghi sổ kế toán chi tiết nhập - xuất vật liệu

Hạch toán nguyên vật liệu được thực hiện song song giữ thủ kho và phòng kế toán, phản ánh kịp thời đầy đủ sự biến động của nguyên vật liệu làm cơ sở cho việc ghi sổ kế toán và kiểm tra giám sát sự biến động của chúng.

Kế toán vật liệu sử dụng các chứng từ sau:

-Phiếu xuất kho

-Thẻ kho

-Sổ chi tiết vật tư

-Bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn.

Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được tiến hành tại kho và phòng kế toán. ở kho chỉ theo dõi mặt số lượng, còn ở phòng kế toán theo dõi cả về mặt số lượng và giá trị của nguyên vật liệu.

Ở kho: Thủ kho phải đảm bảo toàn bộ số lượng, chất lượng chủng loại của từng loại nguyên vật liệu để sẵn sàng cung cấp kịp thời theo yêu cầu.

Hàng ngày, thủ kho phải căn cứ vào chứng từ: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho để tiến hành ghi vào thẻ kho, thẻ kho sẽ được mở cho từng loại vật tư để theo dõi chi tiết, tính ra số tồn kho của từng thứ để ghi vào thẻ kho.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phụ của các tổ, các phòng ban cử người đại diện đi mua về nhập kho.

3. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập, xuất thương xuyên, tuy nhiên tùy theo đặc điểm của nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp có các phương thức kiểm kê khác nhau

3.1. Kế toán tổng hợp nhập-xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm nguyên vật liệu một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại nguyên vật liệu.

Phương pháp kê hai thường xuyên áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh mặt hàng có giá trị lớn

3.1.1 Tài khoản kế toán sử dụng

Hạch toán kế toán nguyên vật liệu sử dụng các tài khoản như:

- Tài khoản 152: Nguyên liệu vật liệu.
- Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường.
- Tài khoản 331: Phải trả người bán
- Tài khoản 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- Tài khoản 111: Tiền mặt.
- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng.
- Tài khoản 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

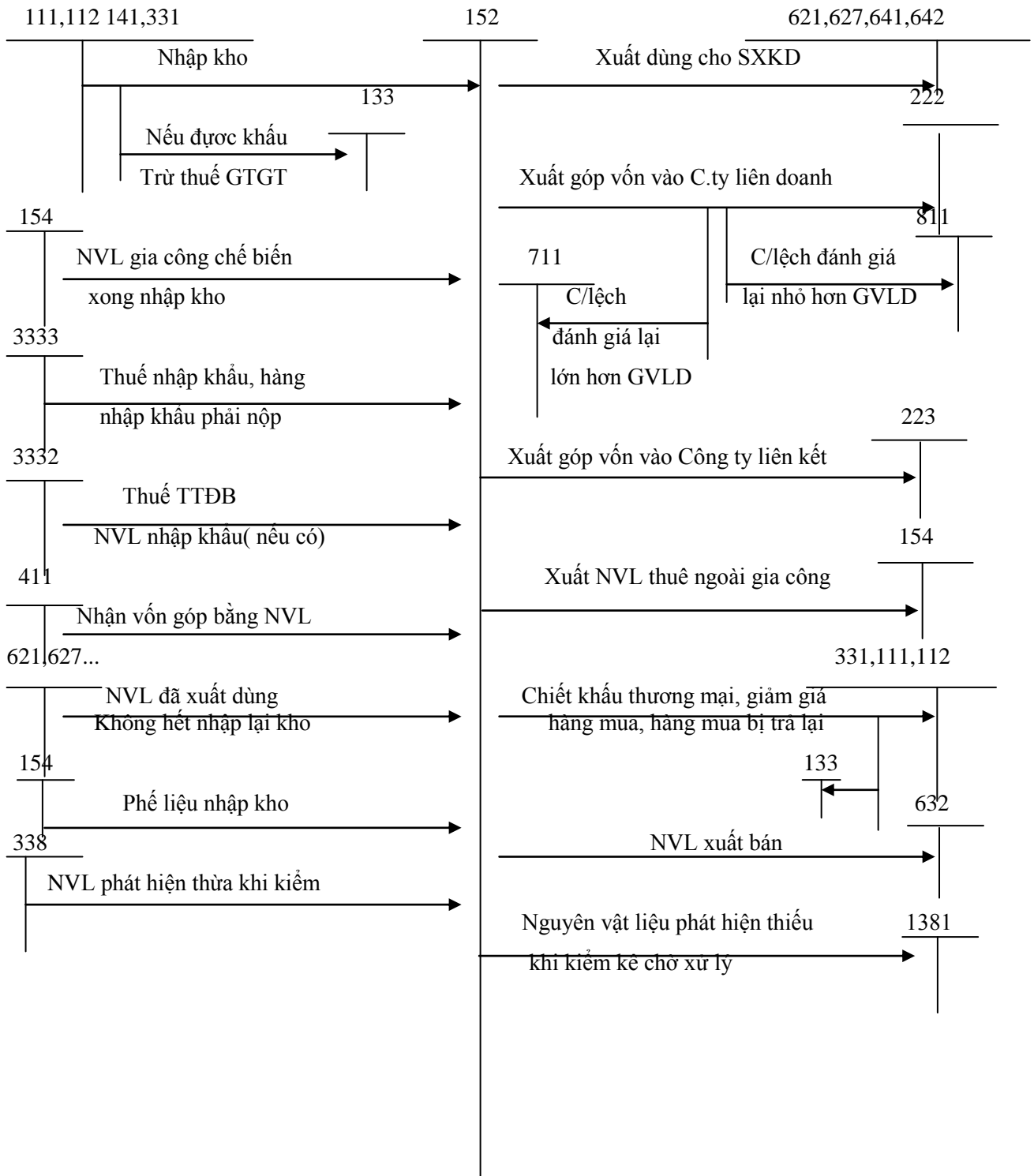
Ngoài các tài khoản trên, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như:

TK141, TK441, TK641, TK627, TK154,...

3.1.2 Phương pháp hạch toán

Có thể các doanh nghiệp hạch toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên theo sơ đồ sau:

Sơ đồ: Kế toán tổng hợp nhập-xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên (tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).



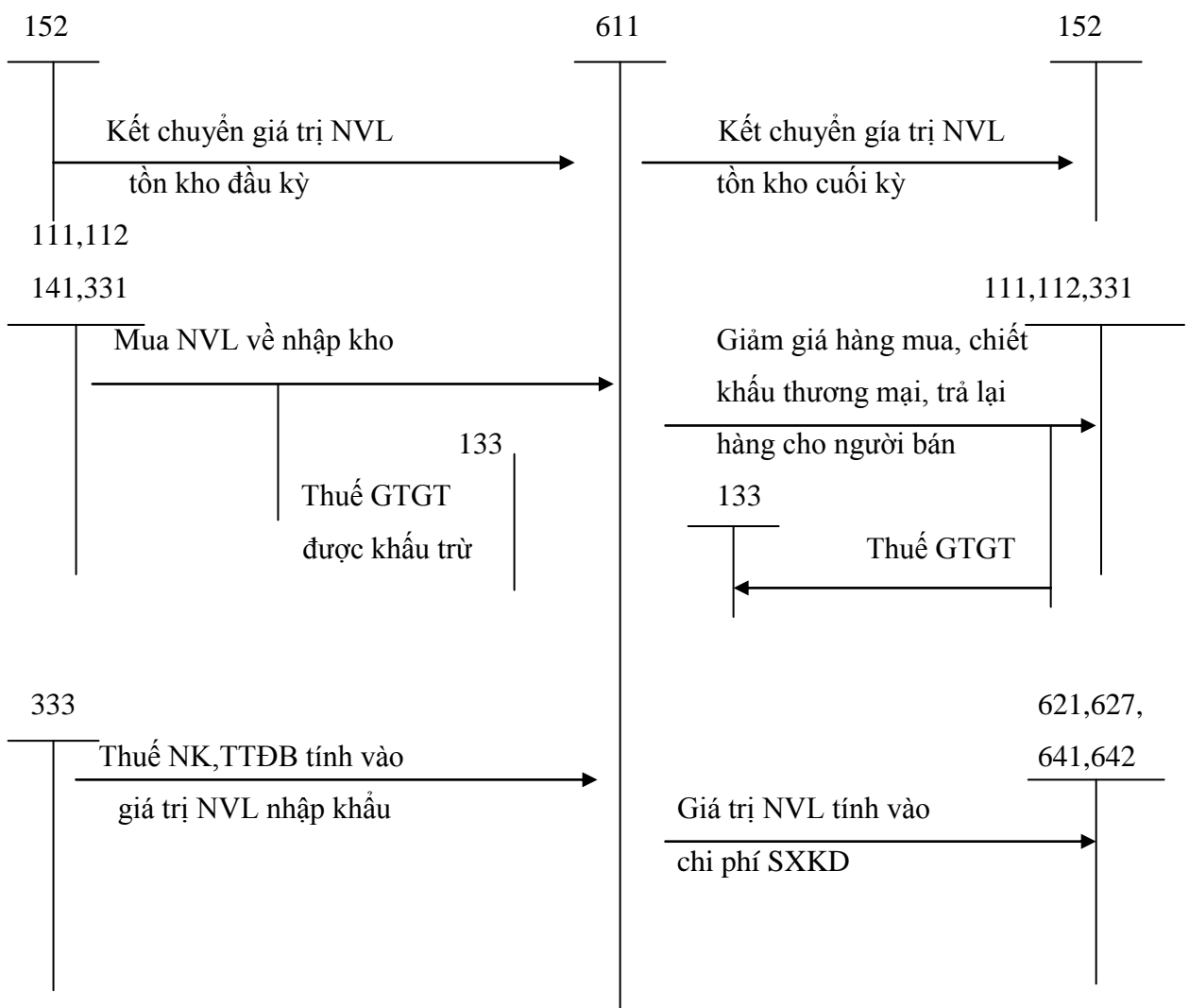
3.2 Kế toán tổng hợp nhập-xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp chỉ phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và các mục đích khác.

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với qui cách, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên

Khác với phương pháp kê khai thường xuyên ở các TK152, TK153, T154, chỉ phản ánh giá trị vật liệu tồn kho lúc đầu kỳ và lúc cuối kỳ. Còn tình hình biến động của vật liệu trong kỳ được theo dõi trên TK 611- Mua hàng.

Sơ đồ: Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



*** Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Khi lựa chọn phương pháp hạch toán hàng tồn kho doanh nghiệp đang áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên liên tục và có hệ thống tình hình nhập_xuất_tồn vật tư, hàng hoá tồn kho trên cơ sở đó kế toán có thể được xác định tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán và theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng tồn} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn cuối kỳ} & = & \text{đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{XK trong kỳ} \end{array}$$

Cuối kỳ kế toán so sánh số liệu kiểm kê thực tế vật tư, hàng hoá tồn kho trên sổ kế toán nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời, đồng thời điều chỉnh số liệu vật tư, hàng hoá tồn kho cho phù hợp.

Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền (đánh giá sản phẩm theo giá thành thực tế). Để tính giá thành thực tế thành phẩm vật tư, hàng hoá xuất kho theo phương pháp này cuối quý kế toán xuất nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất phải căn cứ vào giá thành thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI

1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY MAY CỔ PHẦN VIỆT THÁI

1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP

Ngày 9/12/1997 công ty CP May XK Việt Thái được thành lập theo quyết định số 508/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình. Công ty CP May XK Việt Thái nằm tại số 100 Đường 10 Phường Quang Trung TP Thái Bình. Công ty CP May XK Việt Thái được chuyển đổi từ Xí nghiệp May XK Việt Thái thuộc Công ty XNK tỉnh Thái Bình theo quyết định số: 1559/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 083000227 cấp ngày 28/9/2005 của sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình.

Công ty cổ phần May Xuất khẩu Việt Thái là doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, có tài khoản tại Ngân hàng Công thương thành phố Thái Bình, có con dấu theo quy định của Nhà nước và trực thuộc công ty xuất nhập khẩu Thái Bình (UNIMEX).

Tiền áp dụng là VND, niên độ kế toán 1 năm, kì kế toán là một quý.

- Tên Công ty cổ phần:
 - Tên giao dịch: Công ty cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.
 - Tên tiếng anh: VIỆT THAI EXPORT GARMENT JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên viết tắt : VITEXCO
 - Trụ sở giao dịch : Số 100 phố Quang Trung - thành phố Thái Bình.
 - Điện thoại : 036.831.686/831.567
 - Fax: 036.831.548
 - MST: 1000360205
 - Tài khoản: 102010000358060 (VNĐ)
 - Tài khoản: 102020000040885 (USD)
 - Tại ngân hàng công thương thành phố Thái Bình.
 - E-mail: maythaibinh@hn.vnn.vn

- Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc.
- Mua bán máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu ngành may.
- Dạy nghề ngắn hạn (công nhân may, công nhân kỹ thuật phục vụ cho xuất khẩu lao động).
- Dịch vụ tuyển dụng việc làm, môi giới lao động cho doanh nghiệp xuất khẩu lao động.
- Mua bán thiết bị văn phòng.
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông sản thực phẩm, hàng hoá tiêu dùng.

- Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thành lập: 7.000.000.000 đồng được chia thành 700.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.
- Cơ cấu vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thành lập: 100%
 - + Cổ phần Nhà nước nắm giữ: 298.900 cổ phần(chiếm 42,7% vốn điều lệ)
 - + Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: 260.850 cổ phần(chiếm 37.26% vốn điều lệ).
 - + Cổ phần bán đấu giá công khai: 140.250 cổ phần (chiếm 20,035% vốn điều lệ).

- Cơ cấu lao động trong công ty CP may XK Việt Thái:

Tổng số người lao động: 1.114 lao động

Trong đó: Nam 223 người (chiếm 20% so với tổng số lao động)

Nữ 891 người (chiếm 80% so với tổng số lao động)

Lao động trực tiếp: 1.028 lao động(chiếm 92% so với tổng số lao động)

Lao động gián tiếp: 86 lao động(chiếm 8% so với tổng số lao động)

Phòng kế toán gồm 3 người với trình độ đại học, có chuyên môn cao đã giúp cho công ty trong việc quản lý tài chính và hạch toán kế toán một cách đầy đủ chính xác.

- ❖ **Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng tới công tác hạch toán**

Là năm thứ 7 hoạt động theo mô hình cổ phần, công ty đã theo kịp cơ chế mới và diễn biến của thị trường có sự chuyển biến cơ bản, tích cực trong phương pháp quản lý, đảm bảo sản xuất phát triển và có sự tăng trưởng đáng kể. Năm qua, hoạt động của công ty được tiến hành trong điều kiện vừa thuận lợi vừa có khó khăn.

Thuận lợi

- Công ty đã đưa xưởng mới vào hoạt động, đây là điều kiện rất thuận lợi trong việc bố trí và tổ chức lại lao động, sản xuất các dây truyền hợp lý tạo ra sự phân công lao động trong tổ chức hợp lý hơn đáp ứng được việc giải chuyên mặt hàng truyền thống mà công ty đang sản xuất, do đó năng suất lao động cũng được cải thiện rõ rệt

- Công ty đã duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng trên cơ sở duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, giữ được uy tín, từ đó khách hàng ủng hộ và tạo điều kiện cho Công ty.

- Công tác quản lý của công ty đã đi vào nề nếp, các vấn đề bất hợp lý trong việc điều hành sản xuất luôn được bổ sung điều chỉnh, từ đó tạo ra suy nghĩ năng động hơn trong đội ngũ cán bộ quản lý.

- Song song với việc sản xuất lại, công ty đã kịp thời đầu tư nhiều máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, nên đã tạo điều kiện cho việc sử dụng thời gian của cán bộ công nhân làm việc có hiệu quả hơn.

Khó khăn.

- Sự biến động về giá cả trong năm qua diễn biến phức tạp, nhất là giá đầu vào cho sản xuất như giá than điện và các chỉ số giá sinh hoạt tăng cao, do có sự điều chỉnh mức lương tối thiểu của Nhà nước đã tăng lên 26,3% so với quý trước. Bên cạnh đó, một loạt giá vật tư phục vụ cho sản xuất cũng tăng, trong khi đó đơn giá gia công không tăng nên đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty.

❖ Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Công ty từ khi thành lập đến nay, có nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng ngành may mặc, nhiệm vụ chính là gia công quần áo may mặc với nước ngoài như áo Jacket, áo đua mô tô. Các bạn hàng, các đối tác tham gia liên doanh với công ty CP đều là khách hàng nước ngoài như Poongsingco, Ltd, Phinkovina, Haivina, Từ nguyên vật liệu chính đến mẫu mã và tiêu thụ sản phẩm đều do phía đối tác đảm nhiệm. Công ty chỉ có nhiệm vụ sản xuất, gia công sản phẩm.

Thị trường chính: Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Đài Loan, Canada, Newzeland .v.v..

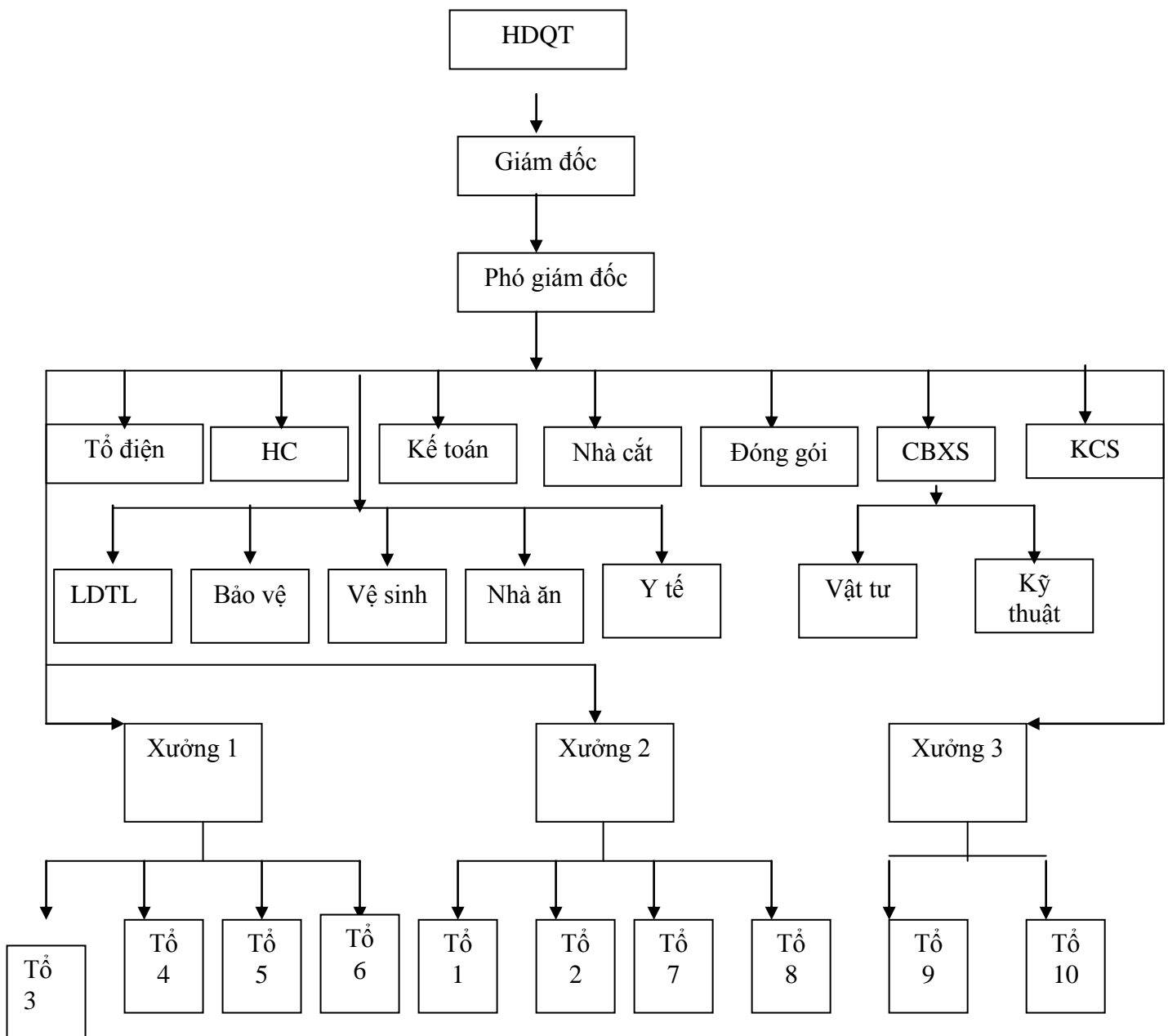
Sản phẩm chính: Quần, áo Jacket, quần áo thể thao, Quần áo đua mô tô .v.v..

Năng lực sản xuất/ năm(Quần áo Jacket): 650.000 sp

Ngoài ra còn nhận là các hợp đồng gia công uỷ thác từ các bạn hàng trong nước như: Công ty may Hai, Công ty may Sông Đà...

1.2 ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI

Sơ đồ 1: Tổ chức bộ máy Công ty CP may XK Việt Thái



Bộ máy quản lý của công ty gọn nhẹ theo cơ cấu quản lý hai cấp. Đứng đầu công ty là hội đồng quản trị và ban giám đốc hiện nay của công ty gồm có hai người một giám đốc và một phó giám đốc.

Chủ tịch hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân doanh công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc quyền của ĐHĐCĐ.

Giúp việc cho hội đồng quản trị có một giám đốc và một phó giám đốc: Ban giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vấn đề tài chính, có quyền đề bạt, bãi nhiệm các cá nhân trong công ty.

Giám đốc: Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn Nhà nước.

Phó Giám đốc: Giúp việc cho giám đốc, kiêm trưởng phòng kỹ thuật, chủ tịch công đoàn theo dõi chỉ đạo kế hoạch nhận nguyên phụ liệu, kiểm tra đơn đốc quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch.

*** Các phòng ban chức năng:**

Phòng Kế toán: Giúp ban giám đốc kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý kinh tế tài chính của các phòng ban.

Hướng dẫn, chỉ đạo các phòng ban và các bộ phận trực thuộc thực hiện việc ghi chép ban đầu đúng chế độ, phương pháp. Giúp giám đốc tổ chức công tác thông tin kinh tế, hạch toán kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế và quyết toán với cấp trên.

Phòng Lao động, tiền lương: Ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về số lượng lao động thời gian lao động và kết quả lao động: Tính lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản phụ cấp, trợ cấp, phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội vào các đối tượng sử dụng lao động, lập báo cáo về lao động, tiền lương, phân tích tình hình quản lý, sử dụng thời gian lao động, quỹ tiền lương, năng suất lao động.

Phòng Kế hoạch, vật tư: Có chức năng tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực bảo quản và cung cấp vật tư, lập kế hoạch và giao kế hoạch cho các phân xưởng, kiểm tra, giám sát nguyên phụ liệu và xuất giao thành phẩm, khai thác tìm kiếm thị trường.

Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu cho giám đốc về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí cán bộ và công nhân sản xuất, làm các thủ tục tuyển dụng, thuyên chuyển, thôi việc cho cán bộ công nhân viên, quản lý cán bộ công nhân viên, giải quyết chế độ hưu trí, mất sức, thôi việc, theo dõi thi đua, khen thưởng.

Phòng Kỹ thuật: Giúp giám đốc trong việc may, tạo mẫu mã, sắp xếp dây chuyền sản xuất hợp lý chỉnh sửa hàng giám sát sản xuất về mặt kỹ thuật, giác sơ đồ cho tổ cắt.

Phòng Y tế: Làm công tác về xã hội như quản lý các công trình công cộng, môi trường, đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm về y tế sức khỏe cho mọi người lao động.

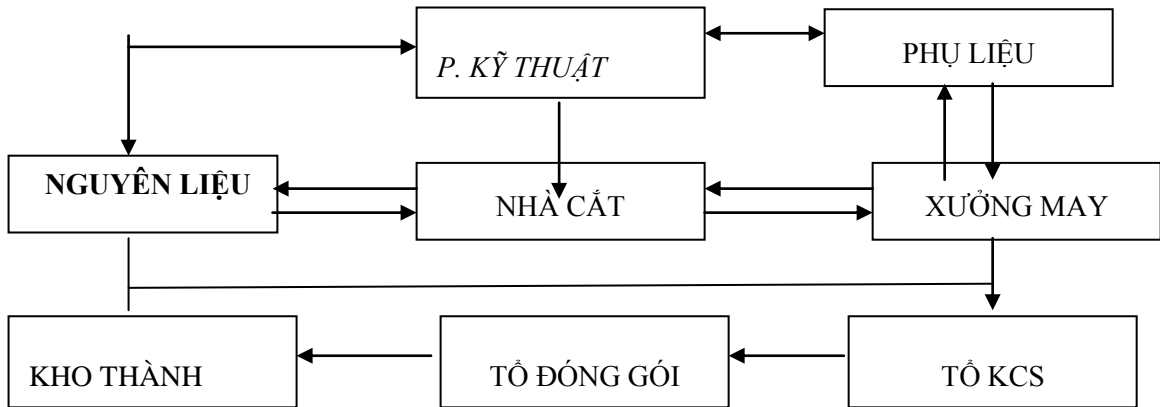
Ngoài ra tổ bảo vệ, tổ vệ sinh, tổ cơ điện, tổ nhà ăn và các tổ sản xuất đều hoạt động dưới sự chỉ đạo của giám đốc.

Tất cả các phòng ban và các tổ sản xuất đều có quan hệ mật thiết với nhau, có nghĩa vụ giúp giám đốc một cách tích cực trên tất cả các mặt để giám đốc ra được những quyết định kịp thời và có hiệu quả.

1.3 QUI TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

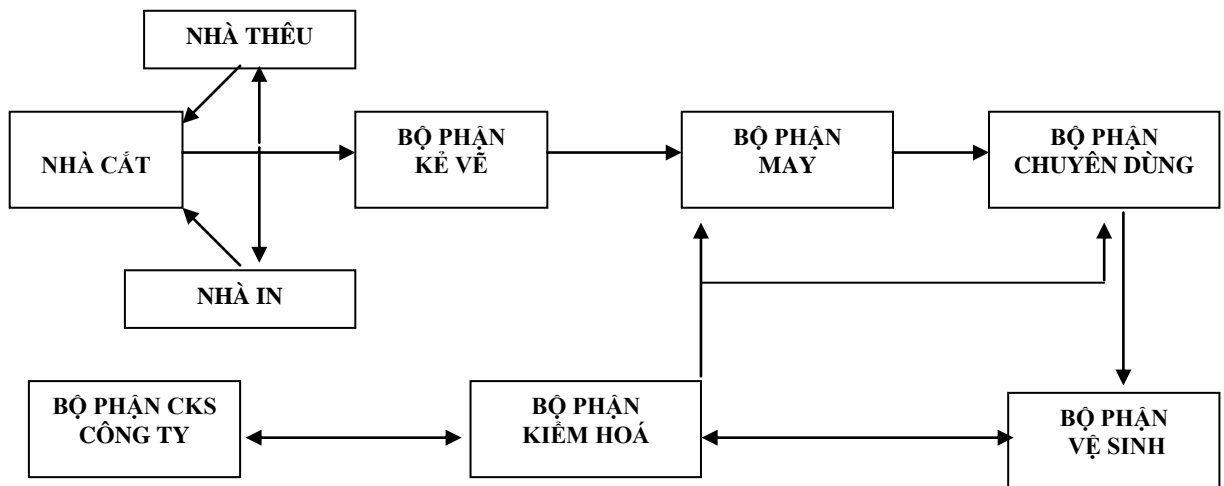
Quy trình sản xuất sản phẩm của công ty là một quy trình sản xuất liên tục khép kín. Sản phẩm sản xuất qua nhiều giai đoạn nhưng chu kỳ ngắn. Thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm



Khi tiến hành sản xuất thì vải được xuất ra từ kho nguyên liệu vật liệu được chuyển xuống nhà cắt, ở đây nhà cắt thực hiện công việc của mình theo đúng mẫu mã, kích thước do phòng kỹ thuật giác sơ đồ đưa xuống. Sau khi vải được cắt thành bán thành phẩm, theo yêu cầu của khách hàng bán sản phẩm nào cần thêu, in thì được chuyển xuống nhà thêu hoặc gửi đi in. Sau đó các công nhân đầu chuyên chuyên đến các chuyên may (tổ may), các bán thành phẩm được bộ phận kẻ vẽ giác lại theo dập định vị trước tiếp theo bộ phận may hoàn thiện qua các cung đoạn của thành phẩm, tiếp đó bộ phận chuyên dùng đóng cúc, gián mex,..., khi hoàn thiện được chuyển đến bộ phận vệ sinh để vệ sinh hàng, tiếp theo các thành phẩm này được kiểm hoá của chuyên may kiểm tra một cách chặt chẽ kỹ lưỡng về mặt kỹ thuật (đủ quy cách, phẩm cấp, mẫu mã) kết thúc quá trình sản xuất tại phân xưởng.

Sau khi thành phẩm hoàn thành được chuyển lên tổ KCS, công ty kết hợp KCS khách hàng kiểm tra lại. Thành phẩm nào đạt tiêu chuẩn thì được đưa sang tổ đóng gói đóng lại và được chuyển vào kho thành phẩm. Sản phẩm nào chưa đạt tiêu chuẩn được chuyển trả lại các bộ phận liên quan để sửa chữa lại.

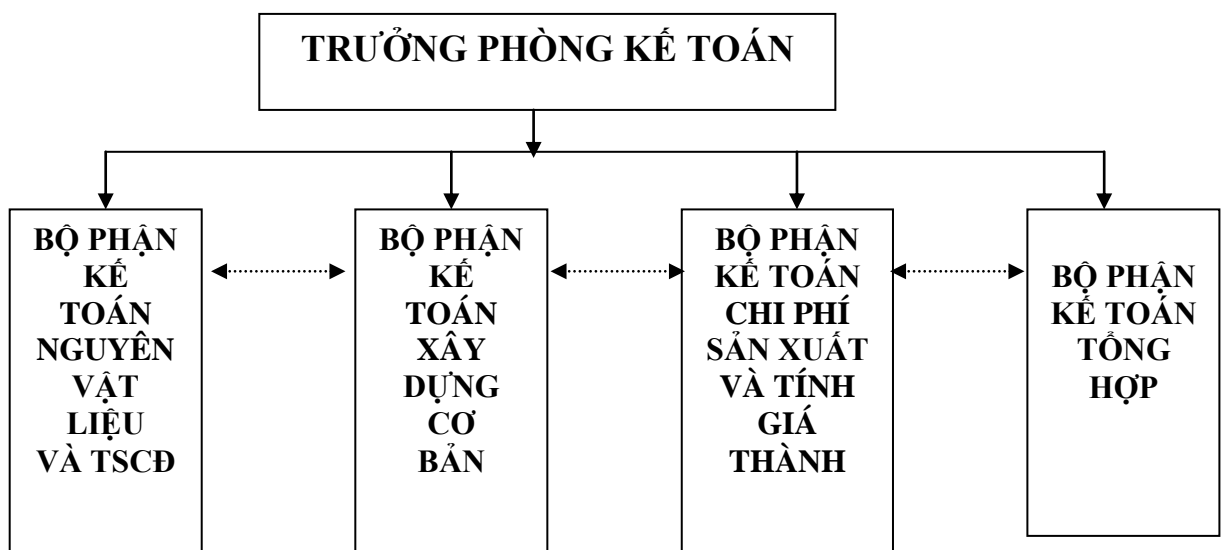


Nói tóm lại, quá trình sản xuất ở đây từ khi bắt đầu đến khi kết thúc một quy trình sản xuất đều được phối hợp một cách nhịp nhàng giữa các tổ sản xuất và phòng kỹ thuật đảm bảo cho quá trình sản xuất được tiến hành liên tục

1.4 TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

1.4.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ3: Tổ chức bộ máy Kế toán Công ty CP may Xuất khẩu Việt Thái.



Ghi chú: —————> Chi đạo kiểm tra hướng dẫn.

◄-----> Đối chiếu kiểm tra.

1.4.2 Chức năng, nhiệm vụ của phòng kế toán

a. Chức năng của phòng Tài chính kế toán

- Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác ghi chép ban đầu.
- Hướng dẫn việc lập, kiểm tra, giám sát các chứng từ kế toán trong tất cả các bộ phận thuộc doanh nghiệp.

- Kiểm tra giám sát tất cả các khoản thu, chi của doanh nghiệp.

- Lập và quản lý sổ sách kế toán theo đúng quy định của pháp luật.

- Lập ,trình ký, chuyển nộp và lưu trữ các báo cáo kế toán, báo cáo thuế, báo cáo thống kê định kỳ, hồ sơ nộp BHXH, BHYT... theo đúng quy định của pháp luật.

- Quản lý, theo dõi các nguồn vốn điều lệ, vốn tự bổ xung, vốn vay, nguồn vốn khấu hao TSCĐ, vốn đầu tư XD CB, vốn chiếm dụng trong thanh toán, công nợ phải thu, phải trả...

- Tổ chức công tác kiểm toán và quyết toán với cơ quan thuế hàng năm.

- Quản lý, sử dụng, bảo mật chứng từ, chương trình phần mềm kế toán.

- Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu của công tác quản trị doanh nghiệp.

b. Nhiệm vụ của phòng Tài chính kế toán

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty CP may XK Việt Thái, kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài vụ giúp lãnh đạo thực hiện điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tổ chức hướng dẫn việc hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách thống nhất đồng bộ.

- Tổ chức thi hành công tác kiểm kê tài sản, vật tư, hàng hoá... theo định kỳ tháng, quý, năm.

- Phổ biến, hướng dẫn chỉ đạo việc chấp hành nghiêm các chế độ chính sách pháp luật hiện hành.

- Tổ chức hoạt động, phân tích hoạt động kinh tế, đưa ra những dự báo về thực trạng tài chính của doanh nghiệp, giúp giám đốc chỉ đạo đúng, sát quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức bảo quản, sử dụng, luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý, nguyên tắc bảo mật lâu dài có tính kế thừa.

- Lập các báo cáo tài chính theo định kỳ quý, năm báo giám đốc và các cơ quan quản lý Nhà nước theo chế độ quy định, đề xuất các sáng kiến quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Lập các báo cáo kế toán quản trị phục vụ công tác quản trị của doanh nghiệp.

- Luôn học tập, trau dồi kiến thức quản lý tài chính, không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Tham gia đầy đủ các phong trào chung của công ty.

c. Chức năng, nhiệm vụ của từng phần hành kế toán trong bộ máy kế toán

-Trưởng phòng kế toán: Với nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các công việc do kế toán viên thực hiện, chịu trách nhiệm trước giám đốc, cấp trên và Nhà nước về các thông tin kế toán cung cấp.

+Bộ phận kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm, vận dụng các phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí, tính giá thành phù hợp với đặc điểm sản xuất và quy trình công nghệ của công ty.

Phản ánh, tổng hợp chi phí sản xuất theo từng giai đoạn sản xuất, từng phân xưởng theo các yếu tố chi phí, khoản mục giá thành theo sản phẩm và công việc. Xác định giá trị sản phẩm dở dang, tính giá thành thực tế sản xuất của sản phẩm, công việc hoàn thành, tổng hợp kết quả hạch toán kinh tế của các phân xưởng, thực hiện dự toán chi phí sản xuất và kế hoạch giá thành sản phẩm. Lập báo cáo về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

+ Bộ phận kế toán tổng hợp:

Ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về nhập - xuất tiêu thụ thành phẩm, về các loại vốn, các loại quỹ công ty, xác định kết quả lỗ lãi, các khoản thanh toán với ngân sách nhà nước, với ngân hàng với khách hàng và với nội bộ công ty.

Ghi chép sổ cái, lập bảng cân đối tài sản và báo cáo thuộc phần việc do mình phụ trách và một số báo cáo chung không thuộc nhiệm vụ của các bộ phận trên, kiểm tra tính chung thực của các báo cáo của công ty trước khi giám đốc duyệt.

Báo cáo, phân tích hoạt động kinh tế của công ty.

+ *Bộ phận kế toán xây dựng cơ bản:*

Phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình vay, cấp phát, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tính toán chi phí xây dựng mua sắm TSCĐ. Lập báo cáo về đầu tư xây dựng cơ bản.

+ *Bộ phận kế toán vật liệu và tài sản cố định:*

Tổng hợp số liệu về tình hình thu mua vận chuyển, nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu, tính giá thành thực tế của vật liệu thu mua kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về cung ứng nguyên vật liệu về số lượng, chất lượng, mặt hàng.

Phản ánh tổng hợp số liệu về số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản cố định hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ. Tính toán phân bổ khấu hao TSCĐ hàng tháng vào chi phí hoạt động. Lập dự toán sửa chữa TSCĐ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn và dự toán chi phí sửa chữa lớn, phản ánh tình hình thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

1.4.3 Hình thức kế toán công ty áp dụng

Để đáp ứng nhu cầu của công tác quản lý đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán cũng như điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán xử lý thông tin, phòng kế toán áp dụng hình thức kế toán " Nhật ký chung".

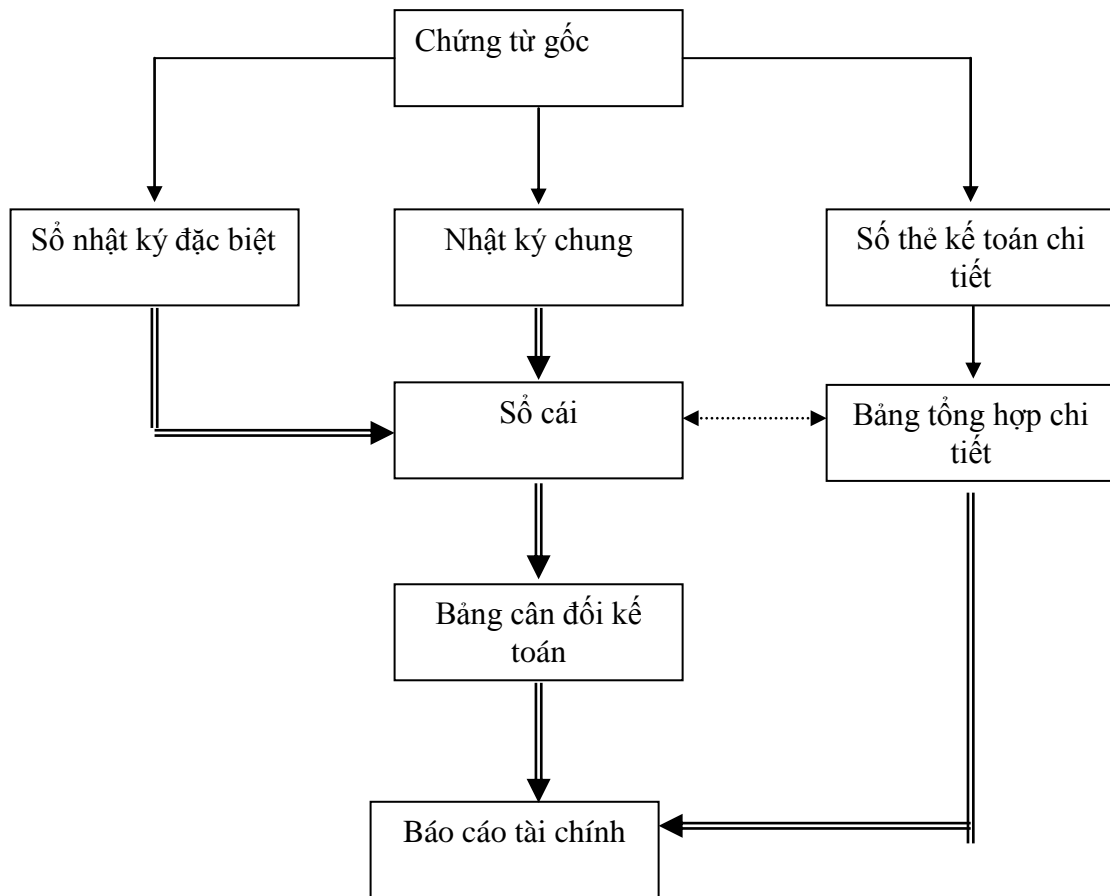
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung chuyển số liệu để ghi sổ Cái.

Hệ thống sổ kế toán công ty Cổ Phần may Xuất khẩu Việt thái áp dụng:

- Sổ kế toán chi tiết được mở tùy thuộc vào yêu cầu quản lý
- Sổ theo dõi thanh toán..
- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung và sổ Cái

Mục đích theo dõi chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng quý và liên tục trong cả năm. Vì vậy, việc ghi chép được tiến hành thường xuyên, liên tục. Cuối quý kế toán ghi sổ có nhiệm vụ đối chiếu khoá sổ và lưu trữ tập trung

Sơ đồ : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC

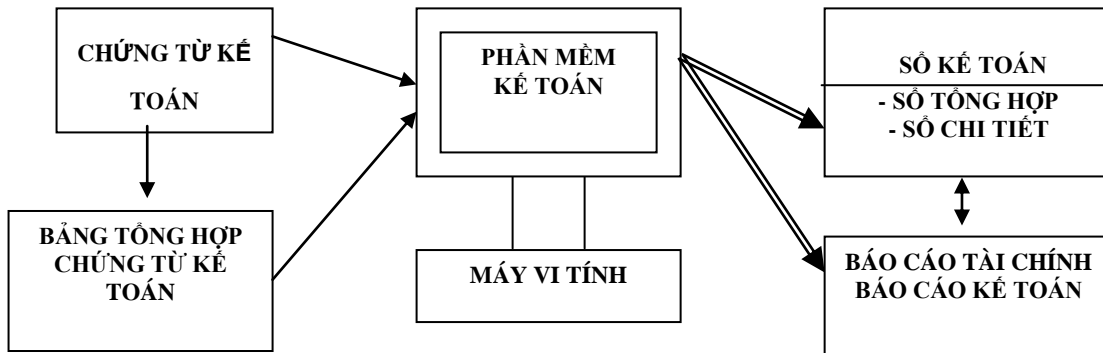


Chú ý:

- Ghi hàng ngày
- ←-.-.-> Kiểm tra đối chiếu
- ==> Ghi định kỳ

Công ty CP may XK Việt Thái đã ứng dụng máy vi tính vào công tác kế toán mang lại hiệu quả cao. Kết quả của việc thực hiện chương trình trên máy là việc in ra các bảng biểu và lưu trữ thông tin, dữ liệu gọn nhẹ và tiết kiệm được thời gian công sức cần ít người mà công việc vẫn nhanh và có hiệu quả.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



- Ghi chú:
- > Nhập số liệu hằng ngày.
 - ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
 - ====>< Đối chiếu, kiểm tra.

1.4.4 Chế độ kế toán

Quy trình hạch toán ở công ty được thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành của BTC. Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng cho các doanh nghiệp được ban hành chính thức theo quyết định số 15/2006/TT- BTC ngày 20/3/2006 của BTC về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

Áp dụng chính thức ngày 01/04/2006 cùng với các qui định bổ sung, sửa đổi như Thông tư 3/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư

Thông tư 20/2006/TT- BTC ngày 20/3/2006 của BTC hướng dẫn kế toán thực hiện 6 chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng BTC. Các chứng từ kế toán sử dụng đều tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước và theo mẫu sẵn của BTC đã phát hành.

Niên độ kế toán: Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Đơn vị tiền tệ ghi trong sổ kế toán : VNĐ.

Hệ thống báo cáo tài chính gồm báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ.

- Báo cáo tài chính năm, gồm:

Bảng cân đối kế toán	Mẫu số B 01-DN
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B 02-DN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B 03-DN
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B 09-DN

- Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ và báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược.

Việc lập và trình bày BCTC tuân thủ các yêu cầu quy định tại chuẩn mực kế toán số 21 –“trình bày báo cáo tài chính” gồm:

-Trung thực và hợp lí

-Lựa chọn và áp dụng chính sách kế toán phù hợp với quy định của tong chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy.

Việc lập báo cáo tài chính căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Báo cáo tài chính được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kì kế toán.

2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA CÔNG TY

2.1 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

2.1.1 Phân loại nguyên vật liệu công ty đang sử dụng

- Do đặc thù sản phẩm công ty là gia công sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, vậy nguyên vật liệu chính chủ yếu ở đây là vải chính, vải lót, vải lưới,...., đều do khách hàng cung cấp. Tùy theo đơn đặt hàng là những vải gì mà ta phải dùng những loại vải cho phù hợp: Nilon210Tpd blk 58, zipper,.....

- Ngoài những nguyên vật liệu chính do khách hàng nước ngoài cung cấp, công ty còn phải mua thêm một số nguyên vật liệu khác để hoàn chỉnh sản phẩm cụ thể: Nhiên liệu, phụ tùng, nguyên vật liệu phụ,...

- Căn cứ vào yêu cầu quản lý nội dung kinh tế và yêu cầu của từng loại nguyên vật liệu của công ty chia thành các loại sau:

+ Nguyên vật liệu chính: Vải chính, vải lót, vải lưới... do khách hàng poosing **CO, LTD, HAIVINA, ..., PHINKOVINA** cung cấp.

+ Nguyên vật liệu phụ: Phụ gia, màu, chỉ, hộp carton, dây đai nhựa, túi PE, phân may, bút sáp, ..., do các công ty TNHH Hoa Thắng, công ty TNHH Thái Hiệp Hưng, công ty TNHH và sản xuất An Khang.... cung cấp.

+ Nhiên liệu: Than kíp lê, dầu nhớt, dầu máy, xăng morgar 95... do công ty TNHH Ninh Cường, công ty CP đầu tư Thương mại và dịch vụ Vân Long... cung cấp.

+ Phụ tùng thay thế: Các phụ tùng chi tiết dùng thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị: Dây curoa, chi tiết máy, cò vắt sỏ, chân vịt máy di bộ, bộ điều 2 kim CD, dây mài đá, bánh răng máy cắt... do công ty CP Thương mại đầu tư Thái Bình.

+ Phế liệu thu hồi: Chủ yếu là các loại vật liệu thải trong quá trình sản xuất.

Vậy, việc phân loại nguyên vật liệu giúp cho công ty quản lý vật liệu được dễ dàng hơn, đồng thời giúp cho việc theo dõi tình hình biến động của nguyên vật liệu chặt chẽ hơn, giúp cho việc mở sổ sách kế toán, phục vụ cho việc hạch toán.

2.1.2 Phương pháp đánh giá nguyên vật liệu trong công ty

+Đối với nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ.

Nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất chủ yếu do mua ngoài và được đánh giá theo giá thực tế. Giá trị thực tế của vật liệu mua ngoài là tổng giá mua chưa có thuế GTGT và chi phí thu mua. Nhưng ở đây chi phí thu mua đều do bên bán chịu nên giá trị nguyên vật liệu mua chính là giá mua.

Ví dụ: Ngày 09/06/2010 công ty nhập kho hộp carton với số lượng là 100 chiếc, đơn giá mua là 2.500đ/chiếc.

Vậy giá trị thực tế của hộp Carton là: $100 \times 2.500 = 250.000$ đ

+Đối với vật liệu xuất kho:

Hiện nay, công ty tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{một đơn vị NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{tồn kho lúc đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{nhập kho trong kỳ.} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị NVL} \\ \text{Xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân NVL} \\ \text{xuất kho trong tháng.} \end{array}$$

Ví dụ: Trong tháng 6 năm 2010, xuất kho túi PE cho phân xưởng sản xuất có số liệu sau:

-Giá trị thực tế tồn kho đầu tháng: 188.950 đ

-Giá trị thực tế nhập trong tháng: 945.050 đ

-Số lượng xuất trong tháng: 36 chiếc

-Số lượng tồn đầu tháng: 10 chiếc

-Số lượng nhập trong tháng: 50 chiếc

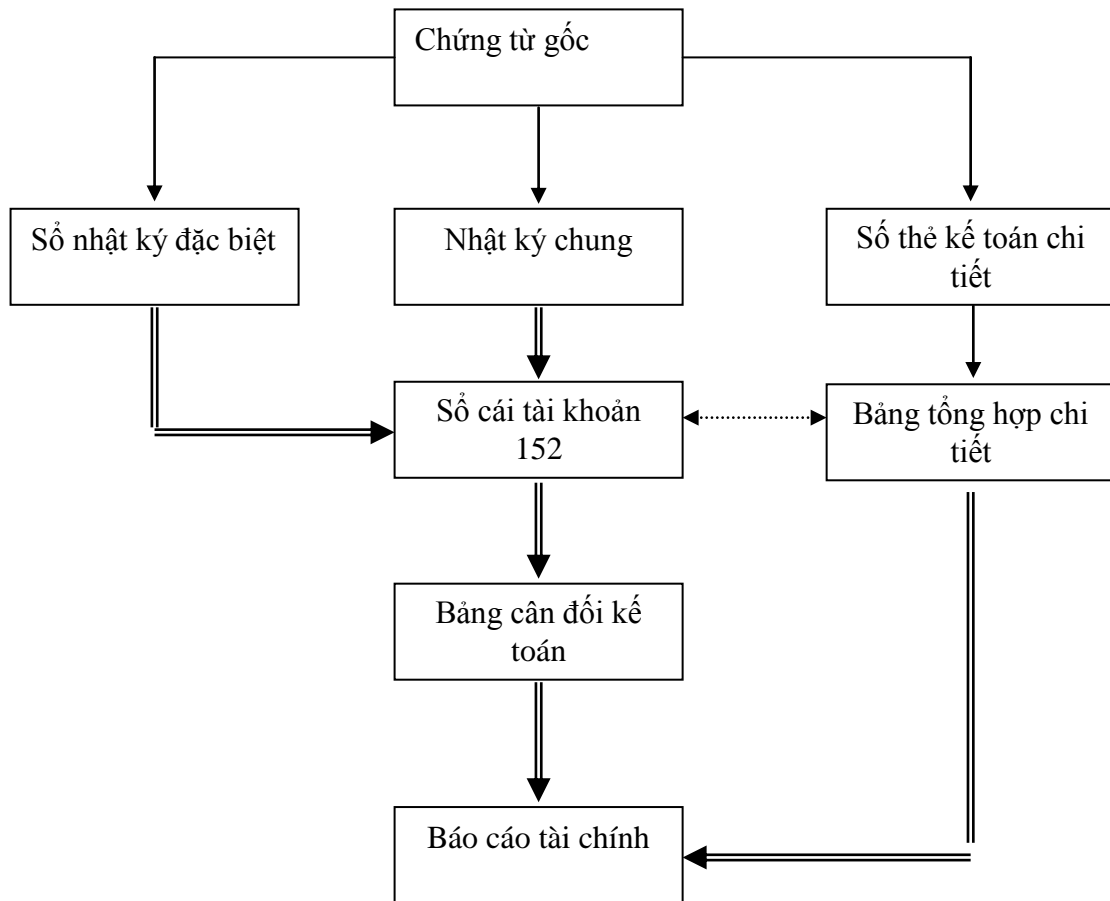
$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{túi PE xuất dùng} \\ \text{trong tháng} \end{array} = \frac{188.950 + 945.050}{10 + 50}$$

2.2 Phương pháp kế toán

2.2.1 Sơ đồ luân chuyển chứng từ trong kế toán vật liệu

Trình tự luân chuyển chứng từ trong công ty được thể hiện dưới sơ đồ sau:

Sơ đồ số 7: Sơ đồ luân chuyển chứng từ.



Chú ý:

- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Kiểm tra đối chiếu
- =====> Ghi định kỳ

2.2.2 Chứng từ kế toán

Để thực hiện tốt công tác kế toán nguyên vật liệu, cần phải căn cứ vào chứng từ kế toán cụ thể đó là cơ sở pháp lý để kế toán tiến hành theo dõi ghi sổ.

2.2.2.1 Chứng từ kế toán tăng nguyên, vật liệu

Bao gồm: Giấy đề nghị mua hàng; hợp đồng mua bán; phiếu nhập kho; hoá đơn GTGT; giấy đề nghị thanh toán.

a. Giấy đề nghị mua hàng

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, Quản đốc phân xưởng tự cân đối lượng hàng còn tồn trong kho, tính toán lượng hàng cần mua thêm để phục vụ sản xuất. Sau đó, viết giấy đề nghị mua hàng gửi cho phòng Vật tư.

b. Phiếu nhập kho

Phòng Vật tư căn cứ vào giấy đề nghị mua hàng để đặt hàng. Khi khách hàng mang hàng đến, bộ phận KCS sẽ kiểm tra chất lượng hàng, nếu đạt yêu cầu thì phòng sản xuất sẽ viết phiếu nhập kho, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập kho để tiến hành giao nhận hàng. Phiếu nhập kho được coi là hợp lệ và có giá trị thanh toán khi có đủ 6 chữ ký của các bộ phận sau :

- + Người giao hàng
- + Người gọi hàng
- + Thủ kho
- + Người giám sát
- + Bộ phận KCS.
- + Thủ trưởng đơn vị

Khi kiểm tra xong hàng, thủ kho ghi số lượng hàng thực nhập vào phiếu nhập kho và ký xác nhận, sau đó giao cho khách hàng 01 liên để thanh toán, thủ kho lưu 01 liên để vào thẻ kho, 01 liên gửi cho phòng kế toán làm chứng từ.

c. Giấy đề nghị thanh toán

Khi phát sinh các chi phí khi mua hàng như bốc xếp, vận chuyển, chi phí thu mua..., việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng giấy đề nghị thanh toán.

Giấy đề nghị thanh toán còn dùng trong trường hợp người bán muốn thanh toán tiền hàng. Khi thanh toán, ngoài giấy đề nghị thanh toán còn phải kèm theo các chứng từ hợp lệ khác như hợp đồng mua bán, hoá đơn GTGT....

Giấy đề nghị thanh toán do người yêu cầu thanh toán viết, gửi kế toán trưởng kiểm tra sau đó chuyển giám đốc duyệt. Phòng kế toán sẽ lưu giấy đề nghị thanh toán làm chứng từ kèm theo phiếu chi tiền.

2.2.2.2. Chứng từ kế toán giảm nguyên, vật liệu

Bao gồm :

- Phiếu xuất kho nội bộ : dùng cho trường hợp xuất dùng cho sản xuất kinh doanh.

- Lệnh xuất hàng : dùng cho các trường hợp xuất ra ngoài Công ty như xuất bán, xuất trả lại khách hàng, xuất chào hàng, gia công...

a. Phiếu xuất kho nội bộ

Căn cứ vào lệnh sản xuất, phòng sản xuất sẽ viết phiếu xuất kho nội bộ cho các bộ phận, đơn vị sản xuất. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất để xuất hàng cho các bộ phận. Sau khi xuất xong, thủ kho ghi rõ số lượng vào cột thực xuất, thủ kho, bộ phận sản xuất cùng ký xác nhận sau đó thủ kho nộp 01 liên cho phòng kế toán làm chứng từ.

2.2.3 Kế toán chi tiết nguyên, vật liệu tại kho

2.2.3.1 Sổ sách theo dõi nguyên, vật liệu mở tại kho

Tại công ty, kế toán nguyên, vật liệu sử dụng phương pháp thẻ song song. Thủ kho dùng mẫu thẻ kho ngang do công ty quy định để theo dõi hàng. Số liệu trên thẻ kho được cập nhật hàng ngày dựa vào phiếu nhập, xuất.

- Số lượng tồn cuối luôn được cập nhật chính xác theo từng ngày.

- Chỉ tiêu “ tồn tiêu chuẩn” trên thẻ kho là số lượng hàng tồn tối thiểu cho phép. Khi số lượng tồn cuối trong ngày của mặt hàng nào nhỏ hơn số lượng tồn tiêu chuẩn, thủ kho phải dùng bút đỏ đánh dấu vào ô tồn cuối của ngày hôm đó. Khi số lượng tồn cuối ngày lớn hơn trên 50% số lượng tồn tiêu chuẩn, thủ kho đánh dấu bằng bút xanh.

- Việc đánh dấu màu xanh, đỏ để báo động về hàng tồn kho giúp các bộ phận liên quan như kế toán, phòng sản xuất, phòng vật tư luôn dự trù đúng, đủ và kịp thời số lượng hàng để cung ứng cho bộ phận sản xuất. Đồng thời, việc cân đối để không vật tư nào còn tồn quá nhiều hoặc quá ít cũng luôn kịp thời, chính xác.

2.2.3.2 Cách đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán

- Việc đối chiếu giữa kho và phòng kế toán được tiến hành vào cuối tháng. Thủ kho phải lên bảng tổng hợp số lượng nhập, xuất, tồn kèm theo thẻ

kho chuyển lên phòng kế toán vào ngày 02 đầu tháng sau. Kế toán vật tư sẽ tiến hành đối chiếu với sổ sách của phòng kế toán, sau đó ký xác nhận và lưu làm chứng từ.

Ví dụ 1: Ngày 29 tháng 1 năm 2010 mua nguyên vật liệu phụ của công ty TNHH Thái Hiệp Hưng chưa thanh toán tiền hàng. (Thuế GTGT 10%). Cụ thể:

Giấy giác mẫu dây	Số lượng : 330 kg	Đơn giá : 5.800	Thành tiền : 1.914.000
Giấy giác mẫu mỏng	Số lượng : 336 kg	Đơn giá : 5.800	Thành tiền : 1.948.800
Bìa lưng áo	Số lượng : 3.700	Đơn giá : 700	Thành tiền : 2.590.000
	Tầm		

Định khoản như sau:

Nợ TK152: 6.452.800

Nợ TK133: 645.280

Có TK331: 7.098.080

Biểu số:

Mẫu số: 03-VT

CÔNG TY CP MAY XK VIỆT THÁI
Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, hàng hoá

Ngày 31 tháng 1 năm 2010

- Căn cứ vào quyết định số 01 ngày 31 tháng 01 năm 2010 của Công ty CP may Xuất Khẩu Việt Thái.

- Biên bản kiểm nghiệm gồm:

+ Bà: Đặng Thi Len - Trưởng ban

+ Ông: Nguyễn Xuân Trường

+ Bà: Lê Thị Nguyệt

Đã kiểm nghiệm các loại:

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
01	Giấy giác mẫu dày			kg	330	330	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng đúng tiêu chuẩn, quy cách phẩm chất cả về số lượng và chất lượng.

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên).

Biểu số

Công ty CP may Xk Việt Thái
Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

Mẫu số: 03-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
TC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu nhập kho

Ngày 29 tháng 1 năm 2010

Nợ: TK 152

Có: TK 331

- Họ và tên người giao: Trần Minh Thịnh
- Đơn vị: Công ty TNHH Thái Hiệp Hưng
- Nhập tại kho: Nguyên vật liệu phụ
- Dạng nhập: Phải trả cho người bán.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01.	Giấy giác mẫu dày		Kg	330	330	5.800	1.914.000
02.	Giấy giác mẫu mỏng		Kg	336	336	5.800	1.948.800
03.	Bìa lưng áo		Tầm	3.700	3.700	700	2.590.000
	Cộng						6.452.800

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Trên cơ sở các chứng từ kế toán, kế toán ghi sổ chi tiết cả về chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Cuối tháng cộng sổ chi tiết và lập báo cáo tình hình nhập xuất tồn kho vật liệu.

Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật kí chung, từ các chứng từ kế toán kế toán tiến hành vào sổ nhật kí chung, từ đó lập sổ cái TK 152, TK331,...

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng vật liệu của các phân xưởng, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho theo nhu cầu sử dụng.

.Ví dụ 2: Ngày 31/03/2010 công ty xuất dùng 170 kg giấy giác mẫu dây vào quá trình sản xuất sản phẩm ở phân xưởng sản xuất số 1.

Do công ty áp dụng việc tính đơn giá xuất theo phương pháp bình quân cả kỳ nên giá xuất nguyên vật liệu được tính như sau :

Giấy giác mẫu dây :

Tồn đầu quý :	Giá thực tế :	1.012.771 đồng	Số lượng :	180 kg
Nhập trong quý :	Giá thực tế :	1.914.000 đồng	Số lượng :	330 kg
		1.012.771 + 1.914.000		
Đơn giá bình quân	=	$\frac{1.012.771 + 1.914.000}{180 + 330}$	=	5.738,77 đồng

Trị giá xuất kho của giấy giác mẫu dây là :

$$5.738,77 \times 170 = 975.591 \text{ đồng}$$

Căn cứ vào yêu cầu và giấy đề nghị xuất vật tư. Phòng kế hoạch và kế toán vật tư tiến hành cho lệnh xuất, viết phiếu xuất cho mỗi lần xuất.

Biểu số

CÔNG TY CP MAY XK VIỆT THÁI
Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

=====o0o=====

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ

Tên tôi là : Lê Thị Hoa

Bộ phận công tác : Tổ sản xuất số 1

Do yêu cầu của đơn đặt hàng : Tôi đề nghị giám đốc Công ty và phòng kỹ thuật xuất kho một số nguyên vật liệu sau :

01	Giấy giac mẫu dày	170kg

Đề nghị ban giám đốc và phòng kỹ thuật duyệt cho chúng tôi một số nguyên vật liệu trên.

Giám đốc Công ty
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Người đề nghị
(Ký, họ tên).

Biểu số

Công ty CP may Xk Việt Thái
Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.
của Bộ trưởng BTC

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006

Phiếu xuất kho

Ngày 31 tháng 03 năm 2010
Chứng từ 05

Nợ: TK 621
Có: TK 152

Họ tên người nhận: Các tổ bộ phận
Địa chỉ (Bộ phận):
Lý do xuất kho: Xuất để sản xuất sản phẩm
Xuất tại kho: Kho nguyên vật liệu phụ

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01.	Giấy giác mẫu dày		kg	170	170		

Xuất ngày 31 tháng 03 năm 2010

Phụ trách bộ phận sử dụng
(Ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Dựa vào phiếu xuất kho và phiếu nhập kho, thủ kho tiến hành ghi vào thẻ kho

Biểu số

Công ty CP may XK Việt Thái
Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.
của Bộ trưởng BTC

Mẫu số: S12-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006

Thẻ kho

Ngày lập thẻ: Từ 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010
Tờ số: 01

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Giấy giác mẫu dày.
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số:

ST T	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký xác nhận của KT
	Ngày	Số			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	4
1.			Tồn đầu				180	
2.	29/01	PN 78657	Nhập	29/01	330		510	
3.	31/03	PX 05	Xuất	31/03		170	340	
4.			Cộng		330	170		
5.			Tồn cuối quý				340	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số**Tổng hợp nhập xuất tồn vật tư**

Quý 1/2010

Tài khoản: 152 nguyên vật liệu

Stt	Diễn giải	Đvt	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Dây Cudoa	cái	0	0	5	219.000	0	0
2	Dao cắt vòng	cái	24	450.461	45	900.000	30	587.157
3	Đế chân vệt nhựa	Chiếc	139	166.800	300	360.000	439	526.800
4	Dây hơi bàn là	Chiếc	0	0	5	875.000	5	875.000
5	Tấm mút bàn là ĐL	Cái	0	0	5	725.000	5	725.000
6	Táo kim vắt sỏ	cái	0	0	4	380.000	4	380.000
7	Thoi máy các loại	Cái	4	172.430	0	0	0	0
8	Ty cụm tách 2 kim	Cai	0	0	5	95.000	5	95.000
9	Van + tay gạt bàn là	Bộ	0	0	2	220.000	2	220.000
10	Vòng xích nhựa	Cái	100	260.000	0	0	100	260.000
11	Van tiết lu	Cái	2	60.667	0	0	2	60.667
12	Giấy giác mẫu dày	Kg	180	1.012.771	330	1.914.000	170	975.591
13	Giấy giác mẫu mỏng	Kg	263	1.800.963	336	1.948.800	189	1.183.148
14	Giấy giác mẫu vi tính	Kg	113	903.719	0	0	42	335.895
15	Dây đai nhựa	Kg	162	1.944.502	223	2.676.000	308	3.693.524
20	Phân may	Hộp	523	784.500	1.200	1.800.000	1.680	2.520.000
21	Chỉ các loại 210D	Cuộn	0	0	343	4.416.245	241	3.102.959
22	Chỉ các loại 60/3	Cuộn	0	0	2.353	37.868.094	2.153	34.649.392

	Cộng			35.742.797		428.974.246		428.549.158

Biểu số

Công ty CP may Xk Việt Thái

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích Sổ nhật ký chung

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang			675.245.316	675.245.316
29/01	PN 78657	29/01	Mua giấy giác mẫu	29/01	152	6.452.800	
			Thuế GTGT		1331	645.280	
			Phải trả người bán		331		7.098.080
31/01	94496	31/01	Mua giấy đai nhựa		152	2.676.000	
			Thuế GTGT		1331	267.600	
			Phải trả người bán		331		2.943.600
31/03	PX 05	31/03	Xuất giấy giác mẫu dày		621	975.591	
					152		975.591
31/03	PX 05	31/03	Xuất dây đai nhựa		621	3.693.524	
					152		3.693.524
		
			Cộng chuyển sang trang sau			996.567.783	996.567.783

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:.....

-

Ngày..... tháng..... năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Do ghi sổ theo phương pháp thẻ song song nên đồng thời ở phòng kế toán:
 Kế toán nguyên vật liệu tiến hành ghi sổ chi tiết cho TK152 và các tài khoản có
 liên quan đến quá trình nhập - xuất.

Biểu số

Sổ chi tiết

Tài khoản: 152- Nguyên vật liệu

Tên quy cách vật liệu: Giấy giác mẫu dầy

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Ngày ghi sổ	Nhập			Xuất			Tồn		
Số	Ngày			SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT
		Dư đầu quý							180		1.012.771	
PN78657	29/01	Nhập	29/01	330	5.800	1.914.000						
PX 05	31/03	Xuất	31/03				170	5.738,77	975.591			
		Cộng		330		1.914.000	170		975.591			
		Tồn cuối							340		1.951.180	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số**Sổ chi tiết 331****Tên TK: 331 - Phải trả cho người bán**

Đối tượng: Công ty TNHH Thái Hiệp Hưng

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tk đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			PS nợ	PS có
		Số dư đầu kỳ			0
.....
29/01	PN 78652	Mua hộp carton nhập kho	152		4.890.167
29/01	PN 78652	Mua hộp carton nhập kho	1331		489.016
29/01	PN 78653	Mua hộp carton nhập kho	152		8.044.504
29/01	PN 78653	Mua hộp carton nhập kho	1331		804.450
29/01	PN 78654	Mua hộp carton nhập kho	152		13.527.364
29/01	PN 78654	Mua hộp carton nhập kho	1331		1.352.736
29/01	PN 78655	Mua hộp carton nhập kho	152		8.403.792
29/01	PN 78655	Mua hộp carton nhập kho	1331		840.379
29/01	PN 78656	Mua hộp carton nhập kho	152		14.089.154
29/01	PN 78656	Mua hộp carton nhập kho	1331		1.408.915
29/01	PN 78657	Mua giấy giác mẫu dày nhập kho	152		6.452.800
29/01	PN 78657	Mua giấy giác mẫu dày nhập kho	1331		645.280
39204	UNC 18	Thanh toán tiền mua hộp carton	1121	64.461.677	0
24/02	PN 78694	Mua hộp carton nhập kho	152		6.160.122
24/02	PN 78694	Mua hộp carton nhập kho	1331		616.012
24/02	PN 78695	Mua hộp carton nhập kho	152		11.638.551
24/02	PN 78695	Mua hộp carton nhập kho	1331		1.163.855
24/02	PN 78696	Mua hộp carton nhập kho	152		6.025.199
24/02	PN 78696	Mua hộp carton nhập kho	1331		602.519
24/02	PN 78697	Mua hộp carton nhập kho	152		1.603.559
24/02	PN 78697	Mua hộp carton nhập kho	1331		160.355
24/02	PN 78698	Mua tấm lót áo nhập kho	152		5.460.000
.....
		Cộng phát sinh		64.461.677	156.754.249
		Số dư cuối kỳ			92.292.572

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Biểu số

Công ty CP may XK Việt Thái
Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

Mẫu số: S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ cái

Tài khoản 152: Nguyên vật liệu

Quý 1/2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		35.742.797	
29/01	PN 78651	Mua hộp carton nhập kho	331	3.193.746	
29/01	PN 78657	Mua giấy giác mẫu giấy nhập kho	331	6.452.800	
30/01	PN 26025	Mua phụ tùng máy nhập kho	331	3.714.000	
31/01	PN 69670	Mua chỉ nhập kho	331	5.184.700	
31/01	PN 94496	Dây đai nhựa	331	2.676.000	
26/02	PN 17398	Mua hộp carton nhập kho	331	30.915.168	
31/03	P N 78783	Mua hộp carton nhập kho	331	24.540.030	
31/03	PN 78784	Mua hộp carton nhập kho	331	14.561.896	
31/03	PN 78785	Mua hộp carton nhập kho	331	4.776.100	
31/03	PX 04	Xuất phục vụ sản xuất	6272	0	73.497.620
31/03	PX 05	Xuất phục vụ sản xuất	621	0	301.435.318
31/03	PX 05	Xuất phục vụ sản xuất	6272	0	53.616.354
	
		Cộng phát sinh		428.974.246	428.549.158
		Dư cuối kỳ		36.167.885	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số

Mẫu số: S05-DN

CÔNG TY CP MAY XK VIỆT THÁI
Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
 BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CÁI**Tài khoản 133: Thuế GTGT được khấu trừ**

Quý 1/2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		1.133.066	
.....
29/01	UNC 12	Thanh toán tiền điện kỳ 2 tháng 01/2010	1121	2.291.400	0
29/01	UNC 14	Thanh toán tiền mua gạo tẻ tạp giao	1121	1.047.500	0
29/01	PN 78651	Mua hộp carton nhập kho	331	319.374	0
29/01	PN 78652	Mua hộp carton nhập kho	331	489.016	0
29/01	PN 78653	Mua hộp carton nhập kho	331	804.450	0
29/01	PN 78654	Mua hộp carton nhập kho	331	1.352.736	0
29/01	PN 78655	Mua hộp carton nhập kho	331	840.379	0
29/01	PN 78656	Mua hộp carton nhập kho	331	1.408.915	0
29/01	PN 78657	Mua giấy giác sơ đồ nhập kho	331	645.280	0
30/01	UNC 1462	Phí chuyển tiền	1121	1.000	0
30/01	UNC 1463	Phí chuyển tiền	1121	1.000	0
30/01	PN 03	Mua chỉ nhập kho	331	2.864.945	0
30/01	PN 26025	Mua phụ tùng máy nhập kho	331	185.700	0
30/01	PN 26026	Mua phụ tùng máy nhập kho	331	418.600	0
.....
31/01	PN 94496	Mua dây đai nhựa nhập kho	331	267.600	0
31/01	PKT 34080	Phí XNK hàng Poong shin tháng 01/2010	3388	6.833.150	0
31/01	PKT 24	Khấu trừ thuế GTGT đầu vào tháng 01/2010	33311	0	35.364.389
...
31/03	PKT 31	Khấu trừ thuế GTGT tháng 03/2010	33311	0	43.850.557
		Cộng phát sinh		104.002.752	105.135.818
		Số dư cuối kỳ		0	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số

Mẫu số: S05-DN

Công ty CP maY Xk Việt Thái

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 331: Phải trả người bán

Quý 1/2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....		
19/01	PN 89875	Mua than Kíp lê nhập kho	1331		607.529
.....		
29/01	PN 78657	Mua hộp carton nhập kho	152		6.452.800
29/01	PN 78657	Mua hộp carton nhập kho	1331		645.280
30/01	PN 03	Mua chỉ nhập kho	152		28.649.452
		Số dư đầu kỳ			81.230.400
30/01	PN 03	Mua chỉ nhập kho	1331		2.864.945
30/01	PN 26025	Mua phụ tùng máy nhập kho	152		3.714.000
.....		
31/01	PN 94496	Mua dây đai nhựa nhập kho	152		2.676.000
31/01	PN 94496	Mua dây đai nhựa nhập kho	1331		267.600
02/02	PKT 86828	Chi phí lắp đặt dây mạng Internet	6273		822.671
02/02	PKT 86828	Chi phí lắp đặt dây mạng Internet	1331		82.329
.....		
05/02	PKT 86791	Chi phí tiếp khách tháng 01/2010	6278		2.255.000
05/02	PKT 86792	Chi phí tiếp khách tháng 01/2010	6278		5.875.000
05/02	PKT 86793	Chi phí tiếp khách tháng 01/2010	6278		873.000
.....		
		Cộng phát sinh		566.689.229	857.901.544
		Số dư cuối kỳ			372.442.715

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số**SỔ CHI TIẾT 331****Tên TK: 331 -Phải trả cho người bán**

Đối tượng: Công ty TNHH Thái Hiệp Hưng

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tk đ/r	Số phát sinh	
Ngày	Số			PS nợ	PS có
		Số dư đầu kỳ			0
.....
29/01	PN 78652	Mua hộp carton nhập kho	152		4.890.167
29/01	PN 78652	Mua hộp carton nhập kho	1331		489.016
29/01	PN 78653	Mua hộp carton nhập kho	152		8.044.504
29/01	PN 78653	Mua hộp carton nhập kho	1331		804.450
29/01	PN 78654	Mua hộp carton nhập kho	152		13.527.364
29/01	PN 78654	Mua hộp carton nhập kho	1331		1.352.736
29/01	PN 78655	Mua hộp carton nhập kho	152		8.403.792
29/01	PN 78655	Mua hộp carton nhập kho	1331		840.379
29/01	PN 78656	Mua hộp carton nhập kho	152		14.089.154
29/01	PN 78656	Mua hộp carton nhập kho	1331		1.408.915
29/01	PN 78657	Mua giấy giác mẫu dây nhập kho	152		6.452.800
29/01	PN 78657	Mua giấy giác mẫu dây nhập kho	1331		645.280
39204	UNC 18	Thanh toán tiền mua hộp carton	1121	64.461.677	0
24/02	PN 78694	Mua hộp carton nhập kho	152		6.160.122
24/02	PN 78694	Mua hộp carton nhập kho	1331		616.012
24/02	PN 78695	Mua hộp carton nhập kho	152		11.638.551
24/02	PN 78695	Mua hộp carton nhập kho	1331		1.163.855
24/02	PN 78696	Mua hộp carton nhập kho	152		6.025.199
24/02	PN 78696	Mua hộp carton nhập kho	1331		602.519
24/02	PN 78697	Mua hộp carton nhập kho	152		1.603.559
24/02	PN 78697	Mua hộp carton nhập kho	1331		160.355
24/02	PN 78698	Mua tấm lót áo nhập kho	152		5.460.000
.....
		Cộng phát sinh		64.461.677	156.754.249
		Số dư cuối kỳ			92.292.572

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Biểu số

Công ty CP may Xk Việt Thái

Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

Bảng cân đối phát sinh công nợ

Tên TK: 331 -Phải trả cho người bán

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

S tt	Tên khách	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Dư có đầu kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ
...						
...
4	CN Công ty TNHH TM Hoàng Đạt		0	47.222.280	47.222.280		0
5	CTCP thương mại đầu tư Thái Bình		0	12.837.450	12.837.450		0
8	Cty Cơ khí TBB Phú Xuân TNHH		0	27.808.010	46.056.251		18.248.241
1 4	Cty TNHH Thái Hiệp Hưng		0	64.461.677	156.754.249		92.292.572
...
2 2	Công ty sản xuất - XNK dệt may (Vinatex imex)		0	2.975.596	9.655.354		6.679.758
2 3	Công ty Thái Việt		0	15.365.000	15.365.000		0
2 4	Công ty TNHH cơ khí XD Ngọc Bích		0	20.183.900	20.183.900		0
2 5	Công ty TNHH Hoa Thắng		0	2.943.600	2.943.600		0
2 6	Công ty TNHH Ninh Cường		0	38.274.300	38.274.300		0

	Cộng		81.230.400	566.689.229	857.901.544		327.442.715

Biểu số

Công ty CP maY Xk Việt Thái

Số 100-P.Quang Trung-TP.Thái Bình.

Bảng cân đối phát sinh các tài khoản Quý I/2010

TK	Tên tài khoản	Dư đầu kỳ		Phát sinh		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	5.201.098	0	2.571.119.943	2.570.347.233	5.973.808	0
112	Tiền gửi ngân hàng	3.102.735.914	0	6.523.955.968	6.771.667.012	2.855.024.870	0
.....
131	Phải thu của khách hàng	2.275.056.411	0	6.264.232.612	5.959.632.081	2.579.656.942	0
133	Thuế GTGT được khấu trừ	1.133.066	0	104.002.752	105.135.818	0	0
.....
141	Tạm ứng	84.860.950	0	145.700.000	123.200.000	107.360.950	0
142	Chi phí trả trước ngắn hạn	12.991.600	0	1.290.000	7.140.800	7.140.800	0
152	Nguyên liệu, vật liệu	35.742.797	0	428.974.246	428.549.158	36.167.885	0
153	Công cụ, dụng cụ	0	0	776.000	776.000	0	0
154	Chi phí SXKD dở dang	80.000.000	0	5.102.819.185	5.018.183.708	164.635.477	0
211	Tài sản cố định hữu hình	8.839.991.486	0	10.939.143.452	43.123.476	19.736.011.462	0
331	Phải trả cho người bán	0	81.230.400	566.689.229	857.901.544	0	372.442.715
.....
334	Phải trả người lao động	0	1.871.376.995	4.097.407.000	3.170.000.000	0	943.969.995
338	Phải trả, phải nộp khác	0	159.684.590	804.886.509	1.719.814.121	0	1.074.612.202
.....
621	Chi phí NVL trực tiếp	0	0	356.108.015	356.108.015	0	0
6271	Chi phí nhân viên phân xưởng	0	0	253.834.545	253.834.545	0	0
911	Xác định kết quả kinh doanh	0	0	5.997.902.654	5.997.902.654	0	0
	Cộng	15.832.910.369	15.832.910.369	69.264.020.323	69.264.020.323	26.985873.855	26.985873.855

CHƯƠNG III:

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP MAY XK VIỆT THÁI

1. MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CP MAY XK VIỆT THÁI

Công ty CP may Xuất khẩu Việt Thái sau hơn 13 năm xây dựng và phấn đấu, đến nay đã trưởng thành về mọi mặt.

Xuất phát là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá chưa lâu song không vì thế mà công ty mất uy tín và chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngược lại, sự thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của cơ chế thị trường đã giúp công ty luôn tìm ra hướng đi đúng trên con đường phát triển và hoà chung với nhịp sống sôi động của nền kinh tế thị trường.

Để đạt được những thành tích trên là do công ty đã biết nhanh chóng sắp xếp tổ chức lại bộ máy quản lý gọn nhẹ, lựa chọn đội ngũ cán bộ có tinh thần trách nhiệm và trình độ nghiệp vụ, dám nghĩ, dám làm, sắp xếp và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới, tìm biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm,... Trong sự cố gắng cũng như thành tích chung của toàn công ty, không thể không kể đến sự phấn đấu và kết quả đạt được của công tác kế toán. Với sự cố gắng và nhay bén của mình, kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng đã hoàn thành được nhiệm vụ được giao.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công việc và phù hợp với chuyên môn của mỗi người, bên cạnh các cán bộ chủ chốt có trình độ đại học, các cán bộ khác cũng qua các lớp bồi dưỡng với trình độ tương đương với đại học. Hơn nữa, để hiện đại hoá công tác kế toán, công ty CP đã quan tâm đến việc trang bị máy vi tính cho nhân viên kế toán. Nhìn chung, công việc kế toán của công ty đã đi vào nề nếp ổn định với hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ phản ánh đúng thực trạng của công ty. Trong điều kiện công ty sản xuất nhiều mã hàng cùng một lúc thì việc theo dõi nguyên vật liệu đối với kế toán là hết sức phức tạp. Tuy vậy, nhân viên kế toán đã có nhiều cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu quản lý.

Việc lập chứng từ ban đầu, xây dựng phương pháp luân chuyển và quản lý chứng từ ở công ty là hợp lý và có hiệu quả, đảm bảo theo đúng chế độ quy định của nhà nước.

Công ty có rất nhiều bạn hàng, có hàng loạt các khách hàng, kế toán đã mở sổ theo dõi tình hình bán hàng và thanh toán tiền rõ ràng, đầy đủ.

2.ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA CÔNG TY

Để đánh giá được ưu ,nhược điểm của công ty CP May XK Việt Thái chúng ta nên phân tích qua về tình hình thu mua, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp vì đó là những khâu cơ bản nhất để làm cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp có được tiến hành đều đặn, liên tục hay không. Đó là một vấn đề mà nếu thiếu thì ta không thể có quá trình sản xuất được

1>Tình hình thu mua nguyên vật liệu của doanh nghiệp

Một trong những điều kiện chủ yếu để hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch sản xuất là việc cung cấp nguyên vật liệu, năng lượng phải được tổ chức một cách hợp lý đảm bảo đủ số lượng, đồng bộ, đúng phẩm chất và đúng thời gian.

2>Tình hình dự trữ nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu dự trữ bao gồm tất cả các loại nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, động lực, công cụ dụng cụ lao động nhỏ hiện có của doanh nghiệp, đang chờ đợi để đưa vào tiêu dùng cho sản xuất sản phẩm. Dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất là một yêu cầu tất yếu khách quan. Sản phẩm được sản xuất ở nơi này nhưng tiêu dùng sản phẩm đó lại ở nơi khác. Thời gian sản xuất sản phẩm không khớp với thời gian và tiến độ tiêu dùng sản phẩm ấy. Việc vận chuyển những sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng được thực hiện bằng những phương tiện vận tải với các trọng tải khác nhau. Trong những điều kiện như vậy, sự liên tục của quá trình tái sản xuất ở doanh nghiệp chỉ có thể được đảm bảo bằng cách dự trữ các loại vật tư.

3>Tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm

Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu là một trong những mục tiêu cơ bản để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng mức lợi nhuận cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm phải được tiến hành thường xuyên, định kì trên các mặt: khối lượng nguyên vật liệu, định mức tiêu hao nguyên vật liệu để sản xuất ra đơn vị sản phẩm

Như vậy, việc cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm đảm bảo tốt thì kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp sẽ cao. Đây là mối quan hệ nhân quả, tất yếu mà doanh nghiệp đạt được.

2.1 Ưu điểm

- *Bộ máy quản lý:*

Nhìn chung công tác kế toán tại công ty CP May XK Việt Thái về cơ bản đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, thường xuyên phản ánh những phát sinh hàng ngày, hàng tháng, hàng quý một cách chân thực và chính xác, thực hiện nghiêm chỉnh báo cáo định kì và thực hiện tốt chế độ kế toán hiện hành.

Là một công ty được thành lập chưa lâu nên còn gặp phải không ít những khó khăn. Mặc dù vậy với trình độ quản lý vững vàng, sự nhạy bén nhiệt tình của công nhân đã góp phần không nhỏ vào công việc hạch toán, thúc đẩy sản xuất kinh doanh của công ty, giúp công ty ngày càng phát triển và có một chỗ đứng tốt nhất.

- *Bộ máy kế toán:*

Phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị, với chức năng hạch toán đầy đủ, chính xác đúng tiến độ, kịp thời đã giúp lãnh đạo điều hành quản lý rất nhiều trong công tác sản xuất kinh doanh.

Hình thức nhật ký chung mà công ty đang áp dụng là rất phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán có nhiều ưu điểm so với tình hình cụ thể của công ty, hơn thế nữa nó phù hợp để phòng kế toán ứng dụng trên mạng máy tính. Bộ máy kế toán của công ty cũng được sắp xếp phù hợp với khả năng của từng người

- *Trình độ cán bộ kế toán:*

Bên cạnh các cán bộ chủ chốt có trình độ tay nghề cao, các cán bộ khác cũng qua các lớp bồi dưỡng với trình độ tương đối vững chắc đáp ứng nhu cầu công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính, sự phân công phân nhiệm giữa các phần hành kế toán rõ ràng, hợp lý, bên cạnh đó công ty luôn có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các ban giám đốc và các phòng ban từ đó giúp cho việc luân chuyển chứng từ nhanh chóng và dễ dàng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm các thủ tục xuất hành nguyên vật liệu từ đó tiết kiệm được các khoản chi phí.

- Về hệ thống sổ chứng từ:

Việc sử dụng chứng từ, trình độ luân chuyển chứng từ và trình độ ghi chép đảm bảo chứng từ lập là có cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý giúp cho công tác giám sát tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu được kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho từng bộ phận có liên quan.

Hệ thống sổ sách kế toán được kế toán viên cài đặt sẵn trong máy, nên việc tính toán do máy tự tính. Công ty đã sử dụng sổ đăng ký chứng từ để kế toán theo dõi một cách chính xác nhất.

+ Áp dụng kế toán máy trong kế toán:

Hiện nay, công ty đã áp dụng phần mềm kế toán vào sử dụng. Việc ghi chép, tổng hợp số liệu được kế toán nhập trên máy. Sau đó, các chứng từ, sổ, thẻ ... được in ra. Số lượng nguyên vật liệu trong công ty rất lớn và nhiều chủng loại. Nếu ghi chép thủ công sẽ tốn nhiều thời gian cũng như độ chính xác thấp. Sử dụng phần mềm kế toán tiện lợi rất nhiều, giảm thiểu thời gian, độ chính xác cao và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại

- Về khâu thu mua NVL:

Công ty đã tổ chức được đội ngũ thu mua tương đối am hiểu về chất lượng và nhanh nhạy với thị trường, có tinh thần trách nhiệm cao về những nguyên vật liệu mà mình mua về.

- Khâu dự trữ NVL:

Công ty dự trữ nguyên vật liệu ở mức cần thiết, hợp lý đảm bảo quá trình sản xuất không bị gián đoạn, không gây ứ đọng vốn và giải phóng được một số

vốn lưu động đáng kể và giảm bớt được số lượng nguyên vật liệu tồn kho không cần thiết hệ thống kho tàng của công ty tương đối tốt, nguyên liệu được sắp xếp khoa học, hợp lý tùy theo đặc điểm tính chất vật lý, hoá học của từng loại nên đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật trong sản xuất và chất lượng sản phẩm được đảm bảo.

- *Khâu sử dụng NVL:*

Ngoài những nguyên liệu nhập kho do khách hàng cung cấp thì những nguyên liệu mua về sử dụng đúng mục đích sản xuất và phục vụ quản lý sản xuất. Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu thì cán bộ ở tổ, phân xưởng sản xuất làm giấy đề nghị cấp nguyên liệu gửi lên phòng kinh doanh. Sau khi xem xét tính hợp pháp, hợp lý và dựa vào tiến độ cần thiết cần sử dụng nguyên vật liệu đó, bộ phận quản lý trình giám đốc ký xét duyệt đồng ý nhằm đáp ứng kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất.

- *Hệ thống sổ kế toán:*

Được mở theo đúng chế độ quy định bao gồm các sổ chi tiết, tổng hợp đáp ứng nhu cầu tổng hợp và cung cấp số liệu cần thiết cho đối tượng sử dụng. Những ưu điểm trên về quản lý và tổ chức công tác nguyên vật liệu đã có tác dụng tích cực đến việc nâng cao hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp, qua đó ta thấy được công tác quản lý NVL tại công ty Cổ Phần May XK Việt Thái được tiến hành khá chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với điều kiện cụ thể của công ty, đồng thời đáp ứng được nhu cầu quản lý, tạo điều kiện để quản lý tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, tính toán phân bổ chính xác giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho từng đối tượng sử dụng, cung cấp số liệu cho công tác tập hợp chi phí sản xuất kịp thời và đầy đủ. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty vẫn còn có những mặt hạn chế sau:

2.2 Nhược điểm

Sự cạnh tranh gay gắt về đơn đặt hàng sản phẩm giữa các doanh nghiệp.

Thị trường may mặc trong nước và trên thế giới có những xu hướng thay đổi nhanh chóng do đó việc tìm hiểu thị trường là việc cần thiết. Sự ra đời, thay

đổi, bổ sung của chế độ kế toán mới cùng những thông tư nghị định bổ sung cũng gây khó khăn đến công tác hạch toán kế toán của công ty.

Với đội ngũ nhân viên cán bộ quản lý trẻ tuy họ có khả năng thích ứng với thị trường, xã hội tốt nhưng họ chưa thể đáp ứng được những kinh nghiệm giải quyết những vướng mắc lớn khi hạch toán.

Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng là chủ yếu nên sản phẩm sản xuất ra còn tùy thuộc vào đơn đặt hàng.

Sản phẩm sản xuất tiêu thụ trong nước vẫn còn chưa mạnh, chính vì vậy công ty cần có phương pháp giới thiệu, tiếp thị, quảng cáo sản phẩm hơn nữa ra thị trường các khu vực xung quanh.

- Công tác quản lý nguyên vật liệu.

Do đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của công ty là gia công hàng may mặc. Vật liệu của công ty vừa do khách hàng cung cấp, vừa do mua ngoài với số lượng lớn nhưng công ty chưa áp dụng: “Sổ danh điểm vật tư” với quy định mã của từng loại tạo điều kiện cho việc theo dõi vật tư được dễ dàng chặt chẽ.

Nguyên vật liệu của công ty do hai nguồn cung cấp khác nhau:

Đối với nguyên vật liệu gia công (do khách hàng cung cấp)

+ Nguyên vật liệu chính do khách hàng cung cấp, vì không phải là nguyên vật liệu của công ty mua nên kế toán không quản lý chặt chẽ, không theo định mức. Khi nhập kho, thủ kho không mở sổ thẻ chi tiết. Dẫn đến, những nguyên vật liệu sau khi sản xuất ngoài định mức định mức của khách hàng không có sổ liệu chi tiết để kiểm tra.

Ví dụ nguyên vật liệu thừa không được theo dõi chặt chẽ

+ Tại phân xưởng, nhà cắt là bộ phận chủ yếu trong việc tiết kiệm nguyên vật liệu. Khi lấy bản sơ đồ về cắt, nhà cắt căn cứ vào đó để trải vải theo từng lớp vải quy định cụ thể. Mặt khác, nguyên vật liệu chính không được quản lý chặt chẽ, dẫn đến các lớp vải trải thừa rất nhiều. Do không kiểm soát chặt chẽ, việc thừa thiếu vải trong cây không xác định được. Việc truy cứu trách nhiệm cho cá nhân rất khó. Toàn bộ chi phí phí đó công ty phải chịu.

+ Trong thời gian làm việc, một số công nhân chưa tập chung vào công việc của mình. Một số thiệt hại còn xảy ra như: Đánh số sai, may sai quy cách, làm hỏng sản phẩm.....

+ Một số công nhân tự ý mang vải lót, vải thừa của công ty ra ngoài mà chưa có sự đồng ý của cấp trên.

Đối với nguyên vật liệu phụ:

Hiện tại doanh nghiệp mua nguyên vật liệu do nhiều bộ phận mua dẫn đến một số trường hợp lãng phí, cụ thể: Trước khi mua vật tư không có bảng dự trù, dẫn đến mua thừa, ứ đọng để lâu có thể bị hư hỏng. Không phải lúc nào mua cũng có chứng từ hợp lý, hợp lệ làm cho chi phí bỏ ra lớn hơn.

3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP MAY XK VIỆT THÁI

3.1 Phương hướng năm 2011

Năm 2011 là một năm mà công ty đã phải đối đầu với không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi phải vượt qua. Mặc dù Việt Nam đã gia nhập WTO đó là thuận lợi hết sức cơ bản, ngành may không bị áp dụng hạn ngạch, điều đó cũng có nghĩa là tính chất cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn. Trong khi giá cả thị trường diễn biến phức tạp, giá vật tư cho sản xuất ngày càng tăng, nhu cầu của cuộc sống ngày càng lớn, giá gia công không tăng, sức ép cạnh tranh tại thị trường nội địa ngày càng lớn đặc biệt cạnh tranh về lao động. Năng lực sản xuất của Công ty chưa đáp ứng đủ nhu cầu thị trường, khách hàng.

Do đó phương hướng năm 2011 là:

- Tiếp tục đầu tư và thay thế máy móc thiết bị cũ lạc hậu, đặc biệt thiết bị chuyên dùng tự động để tăng năng suất lao động.
- áp dụng triệt để khoa học công nghệ vào phục vụ sản xuất.
- Làm tốt công tác đối ngoại với khách hàng, tôn trọng, tiếp thu các ý kiến của khách hàng, nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.
- Tích cực tìm kiếm, mở rộng tìm kiếm khách hàng mới làm ăn có hiệu quả hơn.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh từng bước tiến tới sản xuất hàng FOB.
- Bán tiếp phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.
- đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động.
- tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Quan tâm đến sức khoẻ và đời sống người lao động, làm tốt 4 việc đó là:
 - + Tăng thu nhập cho người lao động trên cơ sở áp dụng các biện pháp quản lý để tăng năng suất lao động.
 - + Dân thực hiện việc Giảm giờ làm việc.
 - + Chân chính thái độ cư xử chưa được tốt giữa cán bộ với người lao động và giữa những người lao động với nhau.
 - + Làm tốt công tác cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

3.2 Giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP May XK Việt Thái

Qua thời gian thực tập tại công ty CP May XK Việt Thái dưới góc độ là sinh viên kế toán cùng với kiến thức đã được học tại trường em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến để hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

+ **Kiến nghị 1:**

Công ty CP May XK Việt Thái nên quan tâm hơn nữa đến công tác quản lý vật liệu, vì vật liệu là khoản mục chính có chi phí kết cấu lớn và giá thành sản phẩm cao cho nên việc theo dõi giám sát về giá cả số lượng chất lượng vật liệu phải quan tâm hơn. Công ty nên bố trí cán bộ kế hoạch vật tư và kế toán vật tư, theo dõi tình hình nhập xuất sử dụng từ nơi bán đến các phân xưởng sản xuất. Có như vậy mới đảm bảo sử dụng hợp lý vật liệu giảm chi phí hạn chế được khó khăn thì sản phẩm hoàn thành giúp cho phân xưởng sản xuất sản phẩm đúng tiêu chuẩn đã định.

+ **Kiến nghị 2** : Công ty nên thay đổi phương pháp tính giá xuất kho NVL. Việc tính giá NVL theo giá bình quân gia quyền không nên tính theo cách:

$$\text{Giá xuất kho NVL} = \frac{\text{Giá trị tồn đầu kỳ} + \text{Giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Cách tính này mặc dù đơn giản, ít tốn công sức nhưng giá xuất kho được xác định sau khi kết thúc kì hạch toán nên sẽ có ảnh hưởng tới công tác quyết toán.

Khi chúng ta tính theo cách:

$$\text{Giá đơn vị BQ sau 1 lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Sẽ đảm bảo được tính kịp thời của số liệu kế toán, phản ánh được tình hình biến động giá cả phù hợp với tính chất nền kinh tế thị trường hiện nay.

+Kiến nghị 3:

Để phục vụ nhu cầu quản lý vật liệu, tránh nhầm lẫn thiếu sót công ty cần sử dụng sổ “Danh điểm vật tư.”

Sổ danh điểm vật tư là tập hợp toàn bộ các loại vật liệu của công ty đã sử dụng, trong sổ theo dõi từng loại, từng thứ nguyên vật liệu. Mỗi loại được quy định từng mã riêng, thống nhất tên gọi,qui cách, số hiệu, đơn vị tính, giá hạch toán của từng danh điểm nguyên vật liệu, sắp xếp một cách thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Mẫu sổ “Danh điểm vật tư”

Ký hiệu		Tên,nhãn hiệu,qui cách NVL	Đơn vị tính	Đơn giá hạch toán	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL				

+Kiến nghị 4:

Khi nhập kho, kế toán, thủ kho và cán bộ nghiệp vụ phải cùng nhau kiểm tra đầu vào. Nếu thiếu phải báo khách hàng, tránh tình trạng khi xuất kho thấy thiếu.

Bộ phận làm định mức: Trước khi sản xuất hàng thì phải có tài liệu định mức. Bộ phận kỹ thuật phải làm định mức với khách hàng trước. Sau khi hai bên đã ký kết thì bộ phận bộ phận trong công ty sẽ có biện pháp cải tiến kỹ thuật, làm giảm định mức giúp công ty lấy được một số nguyên vật liệu để nhập kho.

+Kiến nghị 5:

Để bảo quản tốt nguyên vật liệu dự trữ ,giảm thiểu hư hao, mất mát, doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống kho tàng,bên bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý tổ nguyên vật liệu tồn kho và thực hiện nghiệp vụ nhập, xuất kho, tránh việc bố trí kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

+Kiến nghị 6:

Công ty phải đưa ra những quy định mới trong thời gian làm việc. Phải có chế độ khen thưởng cũng như hình phạt đối với người có thành tích hay khuyết điểm.

Công tác bảo vệ cũng rất quan trọng trong việc tiết kiệm nguyên vật liệu. Khi tan ca, bảo vệ phải theo dõi, kiểm tra sát sao, không cho phép công nhân tự ý mang vải ra ngoài. Nếu công nhân vi phạm sẽ bị lập biên bản.

Trước khi mua nguyên vật liệu phụ phải có bảng dự trù, phải có đầy đủ các chứng từ hợp lý hợp lệ, nhập kho phải bảo quản tránh hư hỏng

+Kiến nghị 7 :

Hệ thống chứng từ của công ty là tương đối đầy đủ. Công ty đã sử dụng phần hành kế toán máy, rất thuận tiện cho việc vào sổ và theo dõi. Tuy nhiên, một số loại sổ như sổ quỹ phải vào bằng tay mới chính xác, cụ thể. Nhưng kế toán không viết bằng tay mà vào phần hành kế toán máy nên độ trung thực, chính xác không cao.

+Kiến nghị 8:

Nhìn chung công ty sử dụng các chứng từ theo đúng mẫu của bộ tài chính. Nhưng công ty nên sử dụng thêm một số chứng từ như: Phiếu xác nhận khối lượng công việc sản phẩm hoàn thành cho từng tổ. Qua đó, đánh giá được hiệu quả công việc giao khoán với mức độ hoàn thành đã tuyệt đối.

+Kiến nghị 9:

Trong quá trình mua hàng công ty thường làm tắt không thực hiện đầy đủ các yêu cầu vì vậy công ty cần thực hiện đầy đủ theo lưu đồ:

Mua hàng:Lưu đồ thực hiện



Trên đây là một số ý kiến đề xuất giúp công ty CP May XK Việt Thái tổ chức công tác kế toán đạt hiệu quả hơn. Tất cả những ý kiến nêu ra chỉ nhằm mục đích hoàn thiện hơn về công tác kế toán mà công ty áp dụng. Mong rằng với sự nỗ lực của mình bộ máy tổ chức kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện hơn, góp phần to lớn vào sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế Nhà nước nói chung và của công ty CP May XK Việt Thái nói riêng.

3.3 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện

- Công ty nên có chính sách đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho các nhân viên kế toán để nâng cao trình độ nhằm thực hiện tốt những phân hành kế toán mà họ được phân công

- Công ty đã sử dụng phần mềm kế toán nhưng công ty nên chủ động quan tâm đầu tư hơn nữa để nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo được việc xử lý cung cấp thông tin về tài chính kế toán một cách nhanh chóng chính xác, nâng cao công tác quản trị kế toán và giúp cho kế toán tiết kiệm thời gian nâng cao hiệu quả công việc

- Kế toán trưởng cần giám sát chặt chẽ việc ghi chép của kế toán viên. Đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu trong việc vào sổ, tạo điều kiện cho việc quản lý được gọn nhẹ.

- Nhà nước nên bán hết phần vốn của nhà nước cho doanh nghiệp để phát huy tối đa năng lực làm việc của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp cổ phần may XK Việt Thái

KẾT LUẬN

Ngay từ đầu chúng ta đã khẳng định được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu trong quản lý kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất. Thực sự kế toán nguyên vật liệu giúp cho các đơn vị sản xuất theo dõi quản lý cả về số lượng, chất lượng, chủng loại, đặc biệt là giá trị của vật liệu xuất - nhập - tồn. Vì thế, biện pháp quản lý khoa học càng đem lại việc tiết kiệm nguyên vật liệu và có thể quản lý chúng sao cho có hiệu quả nhất.

Công ty CP may Xuất khẩu Việt Thái là một doanh nghiệp Nhà nước, bước sang cơ chế mới đã vấp phải không ít khó khăn. Tuy vậy, công ty vẫn tồn tại và hoạt động nhờ vai trò không nhỏ của việc tổ chức tốt công tác kế toán.

Qua quá trình học tập và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty, qua đó em đã hiểu sâu hơn về kiến thức đã học cũng như là trên thực tế. Em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng: Muốn làm tốt việc quản lý kế toán cần nắm những kiến thức cần thiết qua sách vở và những kiến thức thực tế mới đem lại hiệu quả. Đây chính là cơ hội để chúng em nâng cao nhận thức của mình, tìm hiểu rõ bản chất của những điều mà chúng ta đã được học trên ghế nhà trường. Tuy nhiên, vì thời gian có hạn cũng như tầm nhận thức còn mang nặng tính lý thuyết, chưa nắm bắt được nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên trong báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo TS. Lê Văn Liên đã hướng dẫn chỉ bảo tận tình, cảm ơn trưởng phòng kế toán, các anh, chị trong phòng kế toán và quý công ty đã giúp đỡ em hoàn thành luận văn tốt nghiệp này...

Thái Bình, tháng 4 năm 2011

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh Viên:

Nguyễn thị Phượng

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Chương I: Những lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất	3
1.1. Khái niệm nguyên vật liệu	3
1.2. Đặc điểm, yêu cầu quản lý của nguyên vật liệu.....	3
1.3. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu	4
2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	11
2.1. Chứng từ kế toán sử dụng	11
2.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu	12
3. Kế toán tổng hợp nhập - xuất nguyên vật liệu	18
3.1. Kế toán tổng hợp nhập - xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	18
3.2. Kế toán tổng hợp nhập - xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	21
Chương II: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu	23
1. Khái quát chung về công ty may CP Việt Thái.....	23
1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP	23
1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty CP may xuất khẩu Việt Thái	26
1.3. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty.....	29
1.4. Tổ chức công tác kế toán của công ty	31
2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty.....	37
2.1. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.....	37
2.2. Phương pháp kế toán	39
Chương III: Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP may XK Việt Thái	61
1. Một số nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty CP may XK Việt Thái.....	61
2. Đánh giá thực trạng kế toán nguyên vật liệu của công ty	62

2.1. Ưu điểm.....	63
2.2. Nhược điểm.....	65
3. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP may XK Việt Thái.....	67
3.1. Phương hướng năm 2011	67
3.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP may XK Việt Thái.....	69
Kết luận	73